



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN MÔN

LỊCH SỬ

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

lớp 10



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN THỊ MAI – NGUYỄN THANH TIẾN – NGUYỄN KIM TƯỜNG VY

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN MÔN

LỊCH SỬ

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

lớp **10**

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

PHẦN MỘT. HƯỚNG DẪN CHUNG	3
I. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SGK LỊCH SỬ 10.....	3
II. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC.....	5
1. Cấu trúc sách	5
2. Cấu trúc bài học.....	5
3. Những điểm khác biệt giữa SGK mới và SGK hiện hành.....	7
III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	10
1. Khái quát chung.....	10
2. Một số phương pháp dạy học cơ bản.....	13
3. Một số kĩ thuật tổ chức hoạt động dạy học cụ thể nhằm phát triển NL cho HS.....	21
IV. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ	28
1. Hướng dẫn chung	28
2. Hướng dẫn cụ thể về kiểm tra, đánh giá theo NL, PC.....	29
3. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá NL.....	29
4. Ví dụ minh họa đánh giá	31
PHẦN HAI. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC MỘT SỐ DẠNG BÀI.....	34
I. DẠNG BÀI HÌNH THÀNH KIẾN THỨC, KĨ NĂNG MỚI	34
1. Căn cứ thiết kế và tổ chức kế hoạch bài dạy dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới.....	34
2. Hướng dẫn tổ chức kế hoạch bài dạy dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới.	34
3. Ví dụ minh họa.....	37
II. DẠNG BÀI CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP	45
PHẦN BA. CÁC NỘI DUNG KHÁC	52
I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SGK.....	52
II. KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN PHỤC VỤ DẠY VÀ HỌC..	52
1. Nguồn tài nguyên sách, thiết bị và học liệu điện tử	52
2. Một số hướng dẫn khai thác và sử dụng.....	52

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

I. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SGK LỊCH SỬ 10

1. Quan điểm biên soạn sách

a. Bám sát Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018

– Nội dung sách được triển khai bám sát Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử cấp THPT được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018.

– Tiếp thu kinh nghiệm viết SGK của những nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Chú trọng thực tiễn xã hội, thực tiễn giáo dục, nhất là việc dạy và học môn Lịch sử cấp THPT chưa tạo được hứng thú học tập của HS. Vai trò của SGK Lịch sử cấp THPT mới trong việc tạo nên tính hấp dẫn của bộ môn.

b. Đảm bảo các yêu cầu cần đạt về phẩm chất (PC), NL chung và các NL đặc thù của môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018

– Tăng tính hấp dẫn của SGK: Ưu tiên hàng đầu khi biên soạn SGK *Lịch sử 10* là khơi gợi được hứng thú của người học qua tư liệu, cách khai thác tư liệu, ngôn ngữ sử dụng và cách diễn đạt nội dung mới, sự hài hoà giữa kênh hình và kênh chữ, giữa thiết kế và nội dung.

– Chú trọng SGK là công cụ giúp HS phát triển khả năng tự học: Quán triệt quan điểm SGK là sách của HS, dùng để tự đọc, tự học và hỗ trợ cho các em học trên lớp dưới sự hướng dẫn của GV.

– Khuyến khích ngôn ngữ viết SGK giàu hình ảnh, cụ thể, giản dị, phù hợp với lứa tuổi HS lớp 10.

– Tạo điều kiện cho HS có thể tự đọc, tự học bằng hệ thống câu hỏi dẫn dắt tìm hiểu nội dung chính và hệ thống câu hỏi, bài tập, luyện tập, vận dụng cuối bài bám sát mục tiêu bài học.

2. Những điểm mới

– Chú trọng đặc biệt đến quá trình tiếp cận NL của HS, điều này được thể hiện thông qua việc trình bày các tình huống có vấn đề và gợi mở cho HS phương án giải quyết. Ngoài ra, hệ thống các câu hỏi dẫn dắt trong bài giúp các em có thể tự học và GV có cơ sở hướng dẫn HS trong từng mục của mỗi bài học.

– Trình bày nội dung kiến thức sống động và dẫn dắt HS kết nối được giữa kiến thức lịch sử với cuộc sống hiện tại, giữa kiến thức địa lí đại cương với thực tế cuộc sống. Phát triển NL nhận thức song song với việc đem lại sự hứng thú và quan tâm một cách tự nhiên đối với việc học lịch sử của HS khi sử dụng SGK *Lịch sử 10*.

– Nội dung kiến thức không chỉ được chuyển tải bằng chữ viết mà bằng cả kênh hình. Kênh hình trong sách bao gồm hình ảnh, lược đồ, sơ đồ,... Kênh chữ là nội dung kiến thức, tư liệu chữ viết. Những hình phục dựng được sử dụng trong sách không chỉ có giá trị minh họa mà là một nguồn tư liệu chuyển tải nội dung được đề cập thay cho diễn tả bằng chữ (tranh vẽ minh họa phải dựa trên hiện vật và nguồn sử liệu chữ viết hay truyền miệng, hình ảnh chụp phải có giá trị ứng dụng, ví dụ để liên hệ với hiện tại hay minh chứng cho những thay đổi của lịch sử hay nhấn mạnh tính giáo dục của lịch sử,...). Ngoài nội dung kiến thức mới còn có mục Em có biết, là những thông tin bổ sung để các em có thể mở rộng và đào sâu kiến thức, thấy được sự kết nối giữa quá khứ với hiện tại, giữa kiến thức lịch sử và cuộc sống. Ngoài ra, mục này còn góp phần nâng cao sự hứng thú và tích cực của HS trong quá trình học tập.

– Chú trọng thiết kế phục vụ cho nội dung: Thiết kế không chỉ vì mục đích thẩm mĩ và tăng tính hấp dẫn mà mục tiêu chính là hướng đến yêu cầu cần đạt về PC, kĩ năng và kiến thức.

– Chú trọng xây dựng kĩ năng lịch sử, NL vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

– Nội dung sách được biên soạn cũng nhằm hướng dẫn người dạy và người học thực hiện quá trình tổ chức việc dạy và học; gợi ý các phương pháp để HS có thể tự học, GV có thể dễ dàng hướng dẫn HS học tập. Chú ý đến việc phân phối bố cục và nội dung hợp lí để GV có thể giảng dạy 2 tiết tách biệt vào 2 ngày khác nhau, cũng như có phép GV có thể dễ dàng tham khảo xây dựng kế hoạch dạy học của mình mềm dẻo, linh hoạt tùy theo điều kiện của địa phương và đối tượng HS (ví dụ, GV có thể sử dụng mà không cần sự hỗ trợ của máy chiếu, phim ảnh; GV có thể phân bổ các bài trong một chương theo thực tế từng địa phương).

– Nhóm tác giả cũng quán triệt cách tiến cận học qua thực hành, thực hành để học; học qua trải nghiệm, trải nghiệm để học; xem SGK là công cụ giúp HS phát triển khả năng tự học.

– Tích cực vận dụng nguyên lí “Người học là trung tâm” của quá trình dạy và

học, với trọng tâm là chú trọng giáo dục hình thành và phát triển toàn diện PC và NL người học.

II. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

1. Cấu trúc sách

Trục phát triển chính của SGK *Lịch sử 10* – bộ sách **Chân trời sáng tạo** có cấu tạo gồm 6 chương và 20 bài học, cụ thể là:

Chương I. Lịch sử và Sử học, vai trò của Sử học

CHƯƠNG II. Một số nền văn minh thế giới thời kì cổ – trung đại

Chương III. Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới

Chương IV. Văn minh Đông Nam Á cổ – trung đại

Chương V. Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858)

Chương VI. Cộng đồng các dân tộc Việt Nam

Trục phát triển chính của Sách chuyên đề học tập *Lịch sử 10* – Bộ sách **Chân trời sáng tạo** có cấu tạo gồm 3 chuyên đề cụ thể là:

CHUYÊN ĐỀ 1. Các lĩnh vực của Sử học

CHUYÊN ĐỀ 2. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam

CHUYÊN ĐỀ 3. Nhà nước và phát luật Việt Nam trong lịch sử

Ngoài ra, SGK và Sách chuyên đề còn có bảng Thuật ngữ và bảng Phiên âm để HS tra cứu các thuật ngữ lịch sử và các từ nguyên gốc.

2. Cấu trúc bài học

Theo Thông tư 33/2017-BGDĐT, cấu trúc trong từng bài học SGK gồm những phần sau:

a. Phần Mở đầu:

– *Yêu cầu cần đạt:* là những mục tiêu về kiến thức và kỹ năng mà các em cần đạt sau khi học xong mỗi bài.

Ví dụ: Ở bài Khái quát lịch sử văn minh thế giới cổ – trung đại

Học xong bài này, các em sẽ:

– Giải thích được khái niệm văn minh và phân biệt văn minh, văn hoá.

– Trình bày được sự phát triển của các nền văn minh trên thế giới theo tiến trình lịch sử.

Kiến thức mà HS cần nắm ở đây là nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa. Còn kĩ năng là giải thích được, trình bày được, nêu được và lập được sơ đồ.

– *Dẫn nhập*: Tạo hứng thú cho HS khám phá những nội dung cơ bản trong mỗi bài, đồng thời cung cấp dữ liệu sinh động để GV chủ động khởi động giờ học.

b. Phần hình thành kiến thức mới:

– Giới thiệu chi tiết nội dung kiến thức mới. Cuốn sách cấu trúc theo đề mục số La Mã và số tự nhiên đi kèm với những tiêu đề giúp HS dự đoán được nội dung chính của bài.

– Các nguồn tư liệu (tranh ảnh, sơ đồ, biểu đồ, lược đồ, tư liệu viết,...) và chất liệu hình thành nên nội dung bài học.

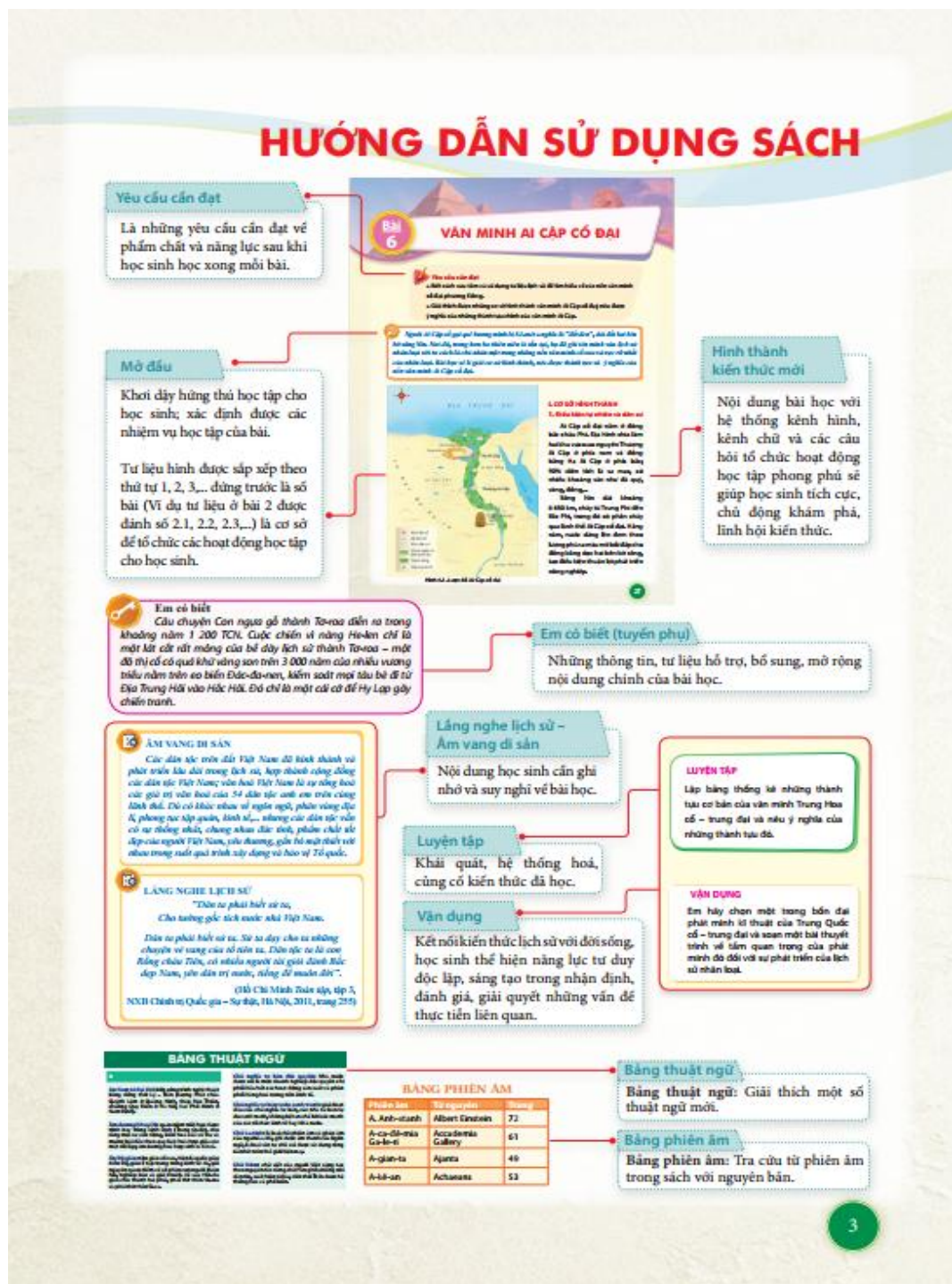
– Hệ thống câu hỏi phát triển NL trong từng phần của mỗi bài nhằm dẫn dắt HS nắm được nội dung chính của từng phần khi sử dụng sách.

c. Lắng nghe quá khứ/âm vang di sản: Khám phá sự kết nối giữa quá khứ với hiện tại, giữa lí thuyết SGK với thực tiễn cuộc sống, góp phần nâng cao sự hứng thú và tích cực của HS trong quá trình học tập.

d. Phần Luyện tập và Vận dụng

– Phần Luyện tập giúp HS củng cố kiến thức, thực hiện tại lớp.

– Phần Vận dụng là hoàn toàn mới và thiết thực, tạo cơ hội cho HS liên hệ kiến thức Lịch sử vào thực tiễn cuộc sống. Đây là nội dung chưa có trong SGK hiện hành và cũng là điểm nổi bật của SGK *Lịch sử 10* mới. Phần này không nhất thiết tất cả HS đều phải làm và thường làm ở nhà.



Hình 1. Trang Hướng dẫn sử dụng sách trong SGK Lịch sử 10 – Bộ sách **Chân trời sáng tạo**

3. Những điểm khác biệt giữa SGK mới và SGK hiện hành

SGK hiện hành đã được thực hiện trong gần 20 năm (từ 2002), được viết theo hướng tiếp cận kiến thức nên chủ yếu hướng dẫn GV thực hiện các hoạt động theo lối truyền thụ kiến thức, trong đó GV đóng vai trò trung tâm, còn HS thụ động nghe và ghi chép.

SGK mới hướng tới phát triển NL và kỹ năng cho HS. Tư tưởng xuyên suốt của bộ sách là lấy hoạt động học của HS làm trung tâm: học tích cực, học hợp tác, học để vận

dụng kiến thức vào thực tiễn. GV chỉ đóng vai trò là người hướng dẫn và tổ chức các hoạt động cho HS tiếp thu kiến thức.

Chúng ta có thể so sánh để thấy rõ sự khác biệt trong cấu trúc bài học của cuốn sách này với SGK hiện hành như sau:

	SGK hiện hành	SGK mới
Xu hướng chủ đạo	Diễn dịch.	Quy nạp.
Tổ chức nhiệm vụ học tập	HS được cung cấp các khái niệm trước, sau đó phân tích ví dụ, tình huống để làm rõ vấn đề.	HS được giao nhiệm vụ tìm hiểu, nghiên cứu sự vật hiện tượng, tình huống làm cơ sở cho việc đi đến đúc kết các nhận định, kết luận của cá nhân để trình bày các khái niệm, các kiến thức lí thuyết.
Kênh hình	Ít hơn và đa số chỉ là minh hoạ.	Nhiều và đa dạng hơn, các hình dùng để tổ chức hoạt động học tập cũng nhiều hơn.
Kênh chữ	– Mở đầu là tóm tắt nội dung của bài. – Bài đọc thêm (dài hơn, phần riêng, không dùng để khai thác kiến thức). – Đúc kết nội dung chính.	– Mở đầu gợi mở, tạo hứng thú khám phá. – Em có biết (ngắn, xen lẫn trong bài nhằm bổ sung thông tin, đôi khi để khai thác kiến thức). – HS tự rút ra, thể hiện NL riêng.
Câu hỏi		
– Trong bài – Cuối bài	Nằm ở giữa bài và cuối bài (không phân biệt luyện tập, vận dụng).	Nằm ở giữa bài và cuối bài (phân rõ Luyện tập và Vận dụng).
Kết luận	Dạy học ghi nhớ kiến thức.	Thuận lợi dạy học phát triển NL.

a. Về kết cấu chương và bài

Ở SGK hiện hành chỉ gồm 3 phần với 40 bài, ở SGK không chia thành các phần mà được chia làm 6 chương với 20 bài, không có các bài ôn tập cuối mỗi chương.

b. Về các tiểu mục và nội dung các câu hỏi hoạt động

– Ở SGK hiện hành, trong nhiều bài, tiểu mục được viết theo dạng câu hỏi và các câu hỏi hoạt động được đặt xen kẽ giữa các tiểu mục. Ở SGK mới, các tiểu mục bám sát nội dung chương trình và các câu hỏi hoạt động được đặt ngay ở đầu các tiểu mục.

– Các câu hỏi hoạt động ở SGK hiện hành chủ yếu mang tính kiểm tra kiến thức. Ví dụ ở bài Trung Quốc thời phong kiến có câu hỏi: Những biểu hiện sự thịnh trị về kinh tế, chính trị của xã hội phong kiến Trung Quốc dưới thời Đường là gì?

– Trong khi các câu hỏi ở SGK mới đảm bảo sự hài hoà giữa các hoạt động kiểm tra kiến thức, rèn kĩ năng với hoạt động thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống của HS.

Ví dụ ở Bài 1. Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử

1. Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử giống nhau và khác nhau như thế nào? Dựa vào kiến thức đã học, hãy nêu ví dụ và giải thích.

2. Lịch sử là quá khứ, vậy hiện thực lịch sử có phải là quá khứ hay không? Dựa vào kiến thức đã học, hãy giải thích.

c. Về việc tổ chức các hoạt động cho HS trên lớp

Ở SGK hiện hành, việc tổ chức các hoạt động trên lớp thường chủ yếu là GV thuyết trình và trong quá trình đó, sử dụng một số câu hỏi nêu vấn đề, một số tranh ảnh, lược đồ, sơ đồ minh hoạ cho bài học (nghĩa là GV làm việc chủ yếu). Với SGK mới, đòi hỏi GV phải đầu tư nhiều công sức suy nghĩ, chuẩn bị đồ dùng cho việc tổ chức hoạt động một tiết dạy trên lớp. Trong tiết dạy, GV đóng vai trò người hướng dẫn, áp dụng nhiều hình thức, kĩ thuật dạy học khác nhau. *Ví dụ:* ở hoạt động Khởi động, có thể dùng các trò chơi (giải ô chữ, giải mã lịch sử, ai nhanh hơn,...); ở hoạt động Hình thành kiến thức mới, GV sử dụng các kĩ thuật khăn trải bàn, công não viết, mảnh ghép, lớp học đảo ngược,...); ở hoạt động Luyện tập và Vận dụng, GV có thể sử dụng sơ đồ tư duy; kĩ thuật kim tự tháp 3 – 2 – 1 (phần đáy yêu cầu ghi ra 3 điều các em học được

qua bài học; phần giữa ghi ra 2 điều mà các em thú vị, muốn tìm hiểu thêm và phần đỉnh chóp ghi 1 câu hỏi mà các em còn băn khoăn hoặc 1 điều em học được từ bài học này để ứng dụng vào cuộc sống),...

d. Về hình thức sách

Ở SGK hiện hành, kênh chữ khá nhiều, ít sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh. Một số bài có kiến thức hàn lâm, vượt quá hiểu biết so với độ tuổi của HS. Hình thức thiết kế đơn điệu chỉ 2 màu đen, trắng.

Ở SGK mới: nội dung kiến thức đơn giản, kênh chữ ít, kiến thức nhẹ nhàng, tăng cường các hình ảnh, tranh ảnh, sơ đồ, lược đồ. Đặc biệt, sách được in nhiều màu, bìa cứng, giấy in chất lượng, có khả năng sử dụng được nhiều năm.

Như vậy, sử dụng cuốn sách mới, GV sẽ rất thuận lợi trong việc triển khai, tổ chức các hoạt động học tập nhằm phát triển NL, PC cho HS.

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Khái quát chung

Ngày nay, dạy học phát triển PC, NL đang trở nên phổ biến trên thế giới. Khuyênh hướng dạy học này hướng tới việc dạy như thế nào để hình thành PC, NL của HS chứ không phải là dạy nội dung kiến thức gì. Dạy học hiện đại nói chung và bộ môn Lịch sử nói riêng đặt ra hàng loạt các yêu cầu đối với các thành tố của hoạt động dạy học, đặc biệt là PPDH phát triển NL, PC của người học.

PPDH lịch sử theo hướng phát triển NL chú trọng đa dạng hoá các hình thức tổ chức hoạt động dạy học, giúp HS tự tìm hiểu, tự khám phá tri thức; chú trọng rèn luyện cho HS biết cách sử dụng SGK và các tài liệu học tập, biết cách suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới; tăng cường phối hợp tự học với học tập, thảo luận theo nhóm, đóng vai, dự án, kết hợp việc dạy học trên lớp với các hoạt động xã hội. PPDH mới khuyến khích HS trải nghiệm, sáng tạo trên cơ sở GV là người tổ chức, hướng dẫn cho HS tìm kiếm và thu thập thông tin, gợi mở giải quyết vấn đề, tạo cho HS có điều kiện thực hành, tiếp xúc với thực tiễn, học cách phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

Yêu cầu cơ bản về PPDH Lịch sử nhằm phát triển NL, PC là phải lựa chọn, sử dụng các PPDH:

- Đảm bảo tính cơ bản, thiết thực, hiện đại.
- Đảm bảo tính tích cực của người học khi tham gia vào hoạt động học tập.

– Rèn luyện cho HS phương pháp học, hình thành kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu khoa học; bồi dưỡng hứng thú và lòng say mê học tập.

– Phát huy tính tích cực, độc lập nhận thức; phát triển tư duy sáng tạo ở HS như dạy học khám phá, dạy học giải quyết vấn đề, phương pháp trò chơi,...

– Hình thành và phát triển kỹ năng thực hành; phát triển khả năng giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống như phương pháp thực hành, phương pháp thực nghiệm,...

Chiều hướng lựa chọn và sử dụng các PPDH mới, tiên tiến nhằm phát triển NL, PC không tách rời nhau mà bổ sung cho nhau trong quá trình phát triển NL, PC người học. Do đó, không quan trọng việc các PPDH thuộc về chiều hướng này hay chiều hướng kia mà quan trọng là việc lựa chọn được các PPDH phù hợp với khả năng của HS và GV; tính chất của hoạt động cụ thể trong kế hoạch dạy học, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, địa phương nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.

So sánh dạy học tiếp cận nội dung và dạy học phát triển PC, NL.

Tiêu chí	Dạy học tiếp cận nội dung	Dạy học phát triển NL, PC
Mục tiêu dạy học	– Chú trọng hình thành kiến thức, kỹ năng, thái độ. – Học để thi, học để hiểu biết.	– Chú trọng hình thành NL và PC. – Học để biết, học để làm, học để cùng chung sống.
Nội dung dạy học	– Nội dung được lựa chọn dựa trên hệ thống tri thức khoa học chuyên ngành là chủ yếu. – Nội dung được quy định khá chi tiết trong chương trình. – Chú trọng hệ thống kiến thức lý thuyết, sự phát triển tuần tự của khái niệm, định luật, học thuyết khoa học. – SGK được trình bày liên mạch thành hệ thống kiến thức.	– Nội dung được lựa chọn dựa trên yêu cầu cần đạt về NL, PC. – Chỉ xác lập các cơ sở để lựa chọn nội dung trong chương trình. – Chú trọng nhiều hơn đến các kỹ năng thực hành, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn. – SGK không trình bày hệ thống kiến thức mà phân nhánh và khai thác các chuỗi chủ đề để gợi mở tri thức, kỹ năng.
PPDH	– GV là người truyền thụ tri thức; HS lắng nghe, tham gia và thực hiện các yêu cầu tiếp thu tri thức được quy định sẵn. Khá	– GV là người tổ chức các hoạt động, hướng dẫn HS tự tìm tòi, chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng; chú trọng phát triển khả năng giải quyết vấn đề, khả

	nhiều GV sử dụng các PPDH (thuyết trình, hướng dẫn thực hành, trực quan,...). Việc sử dụng PPDH theo định hướng của GV là chủ yếu. – Khá nhiều HS tiếp thu thiếu tính chủ động, HS chưa có nhiều điều kiện, cơ hội tìm tòi, khám phá vì kiến thức thường được quy định sẵn. – Kế hoạch dạy học thường được thiết kế tuyến tính, các nội dung và hoạt động dùng chung cho cả lớp; PPDH dễ có sự lặp lại, quen thuộc.	năng giao tiếp,... GV sử dụng nhiều PPDH tích cực (giải quyết vấn đề, hợp tác, khám phá,...) phù hợp với yêu cầu cần đạt về NL và PC của người học. – HS chủ động tham gia hoạt động, có nhiều cơ hội được bày tỏ ý kiến, tham gia phản biện, tìm kiếm tri thức, kỹ năng. – Kế hoạch dạy học thường được thiết kế tuyến tính, các nội dung và hoạt động dùng chung cho cả lớp; PPDH dễ có sự lặp lại, quen thuộc. Dựa vào trình độ và NL của HS; PPDH đa dạng, phong phú, được lựa chọn dựa trên các cơ sở khác nhau để triển khai kế hoạch dạy học.
Môi trường học tập	GV thường ở vị trí phía trên, trung tâm lớp học và các dãy bàn ít được bố trí theo nhiều hình thức khác nhau.	Môi trường học tập có tính linh hoạt, phù hợp với các hoạt động học tập của HS, chú trọng yêu cầu cần phát triển ở HS để đa dạng hoá hình thức bàn ghế, bố trí phương tiện dạy học.
	Ở SGK hiện hành, việc tổ chức các hoạt động trên lớp thường chủ yếu là GV thuyết trình và trong quá trình đó, sử dụng một số câu hỏi nêu vấn đề, một số tranh ảnh, lược đồ, sơ đồ minh hoạ cho bài học (nghĩa là GV làm việc là chủ yếu).	Ở SGK mới, GV phải đầu tư nhiều công sức suy nghĩ, chuẩn bị đồ dùng cho một tiết dạy trên lớp. Trong tiết dạy, GV đóng vai trò người hướng dẫn, áp dụng nhiều hình thức, kỹ thuật khác nhau. Ví dụ: ở hoạt động Khởi động: có thể dùng các trò chơi, đồ vui,...; ở hoạt động Hình thành kiến thức mới: GV sử dụng các kỹ thuật (khăn trải bàn, công não viết; thảo luận nhóm; mảnh ghép; sân khấu hoá; X –

		Y – Z, timeline và sơ đồ hoá,...); ở hoạt Luyện tập và Vận dụng: GV có thể sử dụng trò chơi; sơ đồ tư duy; 3 – 2 – 1.
Đánh giá	– Tiêu chí đánh giá chủ yếu được xây dựng dựa trên sự ghi nhớ nội dung đã học, chưa quan tâm nhiều đến khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. – Quá trình đánh giá chủ yếu do GV thực hiện.	– Tiêu chí đánh giá dựa vào kết quả “đầu ra”, quan tâm tới sự tiến bộ của người học, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, các PC và NL cần có. – Người học được tự đánh giá và được tham gia vào đánh giá lẫn nhau,...
Sản phẩm giáo dục	– HS chủ yếu tái hiện các tri thức, phải ghi nhớ phụ thuộc vào tài liệu và SGK có sẵn. – Việc chú ý đến khả năng ứng dụng chưa nhiều nên yêu cầu về tính năng động, sáng tạo vẫn còn hạn chế.	– HS vận dụng được tri thức, kỹ năng vào thực tiễn, khả năng tìm tòi trong quá trình dạy học đã được phát huy nên NL ứng dụng cũng có cơ hội phát triển. – Chú ý đến khả năng ứng dụng nhiều tạo nên sự năng động, tự tin ở HS.

2. Một số phương pháp dạy học cơ bản

Khi dạy học lịch sử, cần sử dụng, phối hợp nhiều phương pháp, kỹ thuật và hình thức tổ chức dạy học khác nhau nhằm phát triển NL cho HS. Tiêu biểu như PPDH quan sát – thảo luận theo nhóm, giải quyết vấn đề, đóng vai, trò chơi, dạy học theo góc, lớp học đảo ngược,... và các kỹ thuật như giao nhiệm vụ, khăn trải bàn, phòng tranh, các mảnh ghép, công não, hỏi chuyên gia, sơ đồ tư duy,...

Các phương pháp, kỹ thuật và hình thức tổ chức dạy học trên được tích hợp trong các hoạt động học tập gợi ý trong SGK. Tuy nhiên, những hoạt động đó chỉ mang tính tham khảo, GV có quyền tự do sáng tạo cho phù hợp với khả năng, điều kiện của địa phương và nhà trường, phù hợp với khả năng và cách thức dạy học cá nhân cũng như đối tượng HS. Điều cốt yếu là phải đảm bảo cho HS tham gia học tập một cách tích cực nhằm đạt mục tiêu và yêu cầu môn học hiệu quả nhất.

Dưới đây là các PPDH phổ biến và cụ thể với môn Lịch sử:

TT	Nhóm phương pháp phát triển NL tìm hiểu lịch sử	
1	Phương pháp	Hướng dẫn HS thông tin – tái hiện hình ảnh lịch sử qua nguồn sử liệu (truyền miệng, chữ viết – thành văn, hiện vật, di tích lịch sử). – Phương pháp trình bày miệng (thông báo, kể chuyện, lược thuật, tường thuật, miêu tả, nêu đặc điểm). – Phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan (tranh ảnh, lược đồ, sơ đồ tư duy, timeline, niên biểu, phim tài liệu). – Phương pháp sử dụng tài liệu văn bản.
2	Mục đích	– Giúp HS nắm vững kiến thức cơ bản, cụ thể và sinh động, qua đó có biểu tượng đúng đắn về quá khứ. HS có khả năng hình dung, tưởng tượng sự kiện lịch sử thông qua sơ đồ ghi nhớ “5W – 1H”, tránh tình trạng “hiện đại hoá” lịch sử, không hiểu được bản chất của lịch sử (giai đoạn 2 của quá trình học tập – nhận thức và tư duy lịch sử).
3	Đặc điểm	– Bước 1: Xác định mục tiêu để lựa chọn nội dung, định hướng sử dụng PPDH (khai thác tranh ảnh thì chọn phương pháp miêu tả, kết hợp nêu đặc điểm và sử dụng đồ dùng trực quan). – Bước 2: Nêu nhiệm vụ, định hướng sản phẩm đầu ra cho HS. – Bước 3: Tổ chức, hướng dẫn HS tiếp cận với các nguồn sử liệu – cơ sở của nhận thức. – Bước 4: GV cung cấp nguồn sử liệu, hướng dẫn, gợi mở cho HS phát hiện và giải quyết vấn đề (sử dụng câu hỏi trao đổi, đàm thoại, tìm từ khoá quan trọng, vẽ sơ đồ tư duy,...), tạo ra sản phẩm. – Bước 5: Tổ chức, điều khiển HS báo cáo kết quả, sản phẩm học tập; hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá.
4	Lưu ý	– GV phải hiểu đúng bản chất, ưu điểm – hạn chế và cách sử dụng từng phương pháp. Ví dụ, với phương pháp nêu đặc điểm, GV phải chú trọng vào “lấy người nói việc” hoặc ngược lại. Để nêu đặc điểm cho HS, GV có thể dùng câu nói nổi tiếng của chính nhân vật ấy để khắc hoạ; hoặc sử dụng đoạn trích về câu nói điển hình của một nhân vật nổi tiếng khác đánh giá về nhân vật, sự kiện lịch sử.

TT	Nhóm phương pháp phát triển NL nhận thức và tư duy lịch sử	
1	Phương pháp	– Phương pháp sử dụng SGK và tài liệu tham khảo (văn học, lịch sử, kiến thức liên môn,...). – PPDH nhóm (dạy học hợp tác). – Phương pháp trao đổi – đàm thoại (tìm tòi – phát hiện; tổng kết vấn đề,...). – Phương pháp sử dụng câu hỏi – bài tập (nguyên nhân; câu hỏi về quá trình phát triển, diễn biến của sự kiện; câu hỏi làm sáng tỏ bản chất sự kiện,...).
2	Mục đích	Giai đoạn 2 của quá trình học tập, HS đi sâu vào tìm hiểu những mối liên hệ, bản chất bên trong của sự kiện và quá trình lịch sử ấy. Việc sử dụng nhóm phương pháp này phải thông qua các thao tác tư duy của HS chứ không áp đặt chủ quan, (HS được cung cấp sự kiện, tạo biểu tượng rồi mới hình thành khái niệm, nêu quy luật và rút ra bài học, đi từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lí tính).
3	Đặc điểm	– Đây là một hình thức xã hội của dạy học, lớp học được chia thành các nhóm nhỏ trong khoảng thời gian giới hạn, mỗi nhóm tự lực hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên cơ sở phân công và hợp tác làm việc. Kết quả làm việc của nhóm sau đó được trình bày và đánh giá trước toàn lớp. – Dạy học nhóm (dạy học hợp tác) là một hình thức hợp tác của dạy học. Tùy theo nhiệm vụ cần giải quyết mà có những phương pháp làm việc nhóm khác nhau. – Số lượng HS trong một nhóm thường khoảng 4 – 6 em. Nhiệm vụ của các nhóm có thể giống nhau hoặc mỗi nhóm nhận một nhiệm vụ khác nhau, là các phần trong một chủ đề chung, quan trọng. Dạy học nhóm thường được áp dụng để đi sâu, vận dụng, luyện tập, củng cố một chủ đề đã học, nhưng cũng có thể để tìm hiểu một chủ đề mới,... – GV cần phối hợp nhiều phương pháp (trình bày miệng, sử dụng đồ dùng trực quan, sử dụng câu hỏi hỏi,...) và kĩ thuật dạy học tích cực (X – Y – Z, khăn trải bàn, phòng tranh, 5W – 1H, 3 – 2 – 1,...). – GV cần nắm vững quy trình khi tổ chức dạy học nhóm trong việc dạy

		học lịch sử, về cơ bản sẽ diễn ra theo bước (xem lại mục II.2 ở trên).
4	Lưu ý	– Mỗi PPDH đều mang đặc trưng riêng, có mối quan hệ với các phương pháp, kỹ thuật dạy học khác. Việc lựa chọn và sử dụng phương pháp nào đòi hỏi GV phải xuất phát từ định hướng mục tiêu, nội dung kiến thức, điều kiện nhà trường,... Đặc biệt, GV cần phải hiểu đúng bản chất, ưu điểm – hạn chế và cách sử dụng của từng phương pháp. – GV tổ chức hoạt động, đặt vấn đề, hướng dẫn HS phát hiện và giải quyết. Trên cơ sở tìm ra cách tự giải quyết vấn đề nhận thức, HS mới hiểu đúng bản chất của sự kiện, hiện tượng, từ đó, vận dụng được kiến thức đã học để khái quát, đánh giá lịch sử. – GV phải vận dụng nguyên tắc dạy học nêu vấn đề, đưa ra câu hỏi có tính chất bài tập nhận thức, tạo nên sự mâu thuẫn, xung đột trong nhận thức của người học để các em tò mò, hứng thú tham gia học tập và giải quyết vấn đề.

TT	Phương pháp	Phát triển NL – PC	Cách thức tổ chức	Lưu ý
1	Dạy học hợp tác	– Phát triển NL giao tiếp, hợp tác, tự học, tự chủ cho HS. – Hình thành và phát triển NL tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử.	– Tổ chức những nhiệm vụ học tập phức tạp, đòi hỏi phải huy động kiến thức, kinh nghiệm của nhiều HS hoặc là một vấn đề mà HS cần tranh luận, thảo luận. – Nhiệm vụ học tập GV chuyển giao cho HS phải đủ độ khó. Khi giao nhiệm vụ, GV cần giải thích, hướng dẫn rõ ràng để đảm bảo các nhóm hiểu đúng nhiệm vụ cần thực hiện. Nhiệm vụ được giao phải phù hợp và cần huy động sự tham gia của cả nhóm, tạo sự tương tác giữa các thành viên. – Cách đánh giá phải cụ thể, rõ ràng,	– Chia nhóm vừa đủ số thành viên/nhóm) để có thể hoàn thành nhiệm vụ đúng thời gian và mọi thành viên đều có thể đóng góp ý kiến. – Thời gian thảo luận đủ để các thành viên được trình bày ý kiến. – Nội dung thảo luận nên chọn lọc để đảm bảo cần đến

			vừa ghi nhận được sự cố gắng của mỗi cá nhân trong nhóm, vừa thấy được sự đóng góp, ảnh hưởng mỗi thành viên trong kết quả chung của nhóm. Các mức độ của dạy học hợp tác: + Mức độ cộng tác: GV vẫn giữ quyền kiểm soát tiến trình và nội dung dạy học. Các nhóm học tập được tổ chức để hoàn thành những nhiệm vụ học tập mà GV giao. + Mức độ hợp tác: GV trao quyền chủ động cho HS, HS được tham gia và quyết định cách thức, tiến trình học tập. GV chỉ là người hỗ trợ, hướng dẫn khi cần thiết. Hình thức chủ yếu: Thảo luận nhóm (hình thức cơ bản và đơn giản nhất), seminar, tranh luận, đóng vai.	sự trao đổi, hợp tác của nhiều người. – Không gian thảo luận cần đảm bảo cho các thành viên có thể nhìn và nghe thấy nhau. – Nhiệm vụ của mỗi thành viên cần rõ ràng để tránh ỷ lại vào thành viên khác. Ở mức độ cộng tác, HS được giao sẵn chủ đề nội dung thảo luận; ở mức độ hợp tác, HS tự đề xuất vấn đề thảo luận và tiến hành thảo luận.
2	Dạy học giải quyết vấn đề	– NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề của môn Lịch sử. – NL tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư	– Dạy học giải quyết vấn đề không phải là một PPDH cụ thể, mà là nguyên tắc chỉ đạo cho việc sử dụng nhiều PPDH khác nhau, được lồng ghép và vận dụng ở mọi khâu trong quá trình dạy học, có thể áp dụng cho cả hình thức dạy học nội khoá, ngoại khoá và dạy học trải nghiệm. – Dạy học giải quyết vấn đề sử dụng trong trường hợp yêu cầu HS nhận thức một cách sâu sắc, hệ thống những chủ đề, vấn đề lịch sử nhằm phát triển PC, NL cho HS. Dạy học	GV cần chú ý lựa chọn mức độ cho phù hợp với trình độ nhận thức của HS và nội dung cụ thể của mỗi chủ đề (bài học). Các mức độ của dạy học giải quyết vấn đề gồm có 4 mức: – Mức 1: GV nêu và giải quyết vấn đề.

		duy lịch sử.	giải quyết vấn đề đòi hỏi cả GV và HS phải có nhiều thời gian hơn so với các PPDH thông thường. – GV cần có những hiểu biết sâu sắc và thuần thục các nguyên tắc của dạy học giải quyết vấn đề, cũng như việc vận dụng phối hợp các PPDH tích cực trong dạy học nhằm tổ chức, hướng dẫn HS giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ học tập.	– Mức 2: GV nêu vấn đề, đưa ra giải pháp và gợi ý HS rút ra kết luận. – Mức 3: GV nêu vấn đề và gợi ý HS tìm cách giải quyết vấn đề. – Mức 4: GV cung cấp thông tin, HS tự phát hiện vấn đề, tự lực giải quyết và rút ra kết luận.
3	Dạy học trực quan	– NL tự chủ và tự học. – NL tìm hiểu lịch sử, NL nhận thức và tư duy lịch sử.	– Dạy học trực quan là dùng các phương tiện trực quan làm công cụ để tác động vào nhận thức ban đầu của HS, mang cảm tính và trực giác nhưng hết sức quan trọng đối với phân môn Lịch sử. – Được chia thành 3 nhóm, mỗi nhóm gồm nhiều loại: hiện vật (di tích lịch sử, di chỉ khảo cổ, các di vật lịch sử như công cụ sản xuất, vũ khí,...), tạo hình (vật phục chế, tranh ảnh, mô hình, sa bàn, phim, video,...), quy ước (bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, niên biểu,...). – Tạo cảm hứng học tập, khơi dậy, tăng cường khả năng hoạt động của các giác quan, giúp HS có các biểu tượng lịch sử để phục dựng “bức tranh” quá khứ, phát triển NL tìm	Sơ đồ, hình ảnh mang tính tượng trưng, không mô tả vật thật. Tuy nhiên, hình ảnh, nhân vật thì phải được vẽ minh họa dựa trên tư liệu lịch sử.

			hiểu lịch sử; tạo điều kiện cho HS đi sâu tìm hiểu bản chất của các sự kiện, quá trình lịch sử, góp phần phát triển NL nhận thức và tư duy lịch sử.	
4	Dạy học dự án	Phát triển PC trách nhiệm, trung thực; NL tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức và kĩ năng lịch sử vào thực tiễn.	– Dạy học dự án là cách thức tổ chức cho HS thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu, trình bày. – Ba đặc điểm quan trọng của dạy học dự án cần phải đảm bảo khi thực hiện là: định hướng thực tiễn; định hướng vào người học và định hướng sản phẩm. – Tiến hành qua 3 giai đoạn: chuẩn bị, thực hiện (đề xuất ý tưởng và chọn đề tài dự án, chia nhóm nhận nhiệm vụ, lập kế hoạch thực hiện) và báo cáo dự án. – Dạy học dự án đòi hỏi nhiều sự đầu tư về cơ sở vật chất, tuy nhiên ở những điều kiện dạy học tối thiểu vẫn hoàn toàn có thể áp dụng phương pháp này bằng việc lựa chọn hình thức HS thể hiện sản phẩm phù hợp với điều kiện kinh tế của nhà trường, lựa chọn những nội dung gắn với thực tế địa phương,...	– Tùy vào thực tiễn địa phương, điều kiện học tập và NL HS, GV thiết kế nội dung và quy mô dự án phù hợp. – Dạy học dự án tốn rất nhiều thời gian, cần cân nhắc về số lượng dự án trong một năm học, kết hợp linh hoạt thời gian trên lớp và thời gian ngoài lớp, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và truyền thông trong tổ chức cho HS thực hiện,...
5	Dạy học khám phá	– NL tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề	– Dạy học khám phá là một PPDH khuyến khích HS đưa ra câu hỏi và tự tìm ra câu trả lời, hay rút ra những nguyên tắc từ những ví dụ hay kinh	– Bất cứ vấn đề nào cũng có thể sử dụng PPDH khám phá. SGK không phải là

		đề và sáng tạo; – NL tìm hiểu lịch sử, NL nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức và kĩ năng lịch sử vào thực tiễn.	nghiệm thực tiễn. Dạy học khám phá có thể định nghĩa như một tình huống học tập trong đó nội dung chính cần được học không được giới thiệu trước mà phải tự khám phá bởi HS, làm cho HS là người tham gia tích cực vào quá trình học. – HS có vai trò tích cực trong việc tạo ra kiến thức; vận dụng ngôn ngữ riêng của mình để diễn tả những điều mình phát hiện; kiến tạo ý tưởng mới, khái niệm mới trên cơ sở kiến thức của họ. – Để thực hiện, GV phải tạo "bối cảnh" để HS có cơ hội tìm ra vấn đề để khám phá; xác định cách thức thu nhập dữ liệu; xác định nội dung cần đạt được; dự kiến những phương pháp kết hợp trong quá trình khám phá,... Sau đó, tổ chức học tập khám phá (giao nhiệm vụ, hình thức thực hiện nhiệm vụ cá nhân hay nhóm,...). Cuối cùng, GV tổ chức cho HS trình bày kết quả của hoạt động khám phá, hướng dẫn HS lựa chọn những phán đoán, kết luận đúng để hình thành kiến thức mới.	nguồn thông tin kiến thức duy nhất cho dạy khám phá. – Kết luận sau khi khám phá được đưa ra với mục đích thảo luận chứ không phải là khẳng định cuối cùng.
--	--	---	--	---

3. Một số kỹ thuật tổ chức hoạt động dạy học cụ thể nhằm phát triển NL cho HS

PPDH thường mang tính định hướng chung, vĩ mô để hướng tới mục tiêu cần đạt thì kỹ thuật dạy học (KTDH) là những cách thức, hành động cụ thể của GV và HS trong các tình huống hành động nhỏ, nhằm thực hiện và điều khiển quá trình tổ chức dạy học trên lớp. Như vậy, KTDH là những đơn vị nhỏ nhất của PPDH.

Có những KTDH chung, cũng có những kỹ thuật đặc thù của từng PPDH. Ví dụ, kỹ thuật đặt câu hỏi trong phương pháp đàm thoại, kỹ thuật chia nhóm trong PPDH,... Ngày nay, trong dạy học nói chung, dạy học Lịch sử nói riêng, người ta chú trọng nghiên cứu và vận dụng các KTDH theo hướng phát triển NL HS (còn gọi là dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học) như: nhóm kỹ thuật “KWLH, XYZ và 321”, kỹ thuật công não, kỹ thuật lược đồ tư duy, kỹ thuật tranh luận (ủng hộ – phản đối),...

Dưới đây là một số KTDH tích cực thường được vận dụng trong dạy học các môn thuộc lĩnh vực khoa học xã hội như Lịch sử, Địa lí,...

TT	Kỹ thuật	Cách thức tổ chức	Các bước tiến hành
1	Kỹ thuật khăn trải bàn	– Ưu điểm: + HS học được cách tiếp cận với nhiều giải pháp và chiến lược khác nhau. + Rèn kỹ năng suy nghĩ, quyết định và giải quyết vấn đề cho HS. + HS đạt được mục tiêu học tập cá nhân cũng như hợp tác. + Tạo điều kiện áp dụng dạy học phân hoá. + Nâng cao mối quan hệ giữa các HS, tăng cường sự hợp tác, giao tiếp, học cách chia sẻ kinh nghiệm và tôn trọng lẫn nhau. + Nâng cao hiệu quả học tập nhóm	+ Bước 1: Chia HS thành các nhóm nhỏ mỗi nhóm khoảng từ 4 – 6 HS, phát cho mỗi nhóm một tờ giấy A0. Giao nhiệm vụ, chủ đề cần thảo luận, tìm hiểu cho từng nhóm. + Bước 2: Các nhóm tiến hành làm việc. Đầu tiên chia giấy A0 thành các phần, gồm phần chính giữa và các phần xung quanh. Phần xung quanh được chia theo số thành viên trong nhóm. Mỗi HS ngồi vào vị trí tương ứng với từng phần xung quanh đó. Có thể mô tả sơ đồ tổ chức trên giấy A0 như sau:

		– Nhược điểm: + Khó khăn trong xây dựng nhiệm vụ cá nhân và nhiệm vụ nhóm. + Mất nhiều thời gian trong quá trình tổ chức thảo luận nhóm.	+ Bước 3: Trên cơ sở những ý kiến của mỗi cá nhân, HS thảo luận nhóm thống nhất ý kiến chung và viết vào phần chính giữa tờ giấy A0. + Bước 4: GV sử dụng kỹ thuật phòng tranh để tổ chức triển lãm sản phẩm của các nhóm, HS quan sát sản phẩm của nhóm bạn, GV tổng kết nội dung bài học.
2	Kĩ thuật KWLH	– Trường hợp áp dụng: + Lần đầu tiên tiếp xúc với HS mới, tạo cảm giác thân thiện, tìm hiểu và thăm dò để biết người học có mong muốn, đề xuất gì với GV. + Đặc biệt có hiệu quả với các bài mở đầu chương trình học, hoặc bài học mang tính chất gợi mở, tìm hiểu, giải thích. – Ưu điểm: + Giúp HS tự giám sát và đánh giá hoạt động học và hiểu của mình. + Tạo cơ hội cho HS diễn đạt ý tưởng của các em vượt ra ngoài khuôn khổ của bài mới/chủ đề mới, được liên hệ và vận dụng vào thực tiễn. + Tạo hứng thú học tập cho HS, khi những điều các em cần học có liên quan trực tiếp đến nhu cầu về	Bước 1: Chọn chủ đề hoặc bài học (nên áp dụng bài học có từ 2 tiết trở lên). Bước 2: Tạo hứng thú học tập cho HS và thực hiện kỹ thuật KWLH. – Ở nhà: GV yêu cầu HS lập bảng KWLH, hoàn thành ô K, W về bài học/chủ đề. K: “<i>Hãy nói những gì các em đã biết về...?</i>”. W: “<i>Em có muốn tìm hiểu thêm điều gì có liên quan đến ý tưởng này không?</i>”. GV phải làm thế nào để HS điền được mong muốn của mình vào cột W nhưng phải có liên quan trực tiếp đến bài học. Nếu HS không điền được, kỹ thuật thất bại. – Thực hiện ở lớp: GV thu phiếu để nghiên cứu, tổ

		kiến thức của các em. + Giúp HS dần hình thành khả năng tự định hướng học tập, có cách học không chỉ cho bộ môn đọc hiểu mà cho cả các môn học khác. + GV và HS cũng tự đánh giá kết quả học tập, định hướng cho hoạt động kế tiếp. – Nhược điểm: + Mất nhiều thời gian và công sức chuẩn bị; phải làm nhiều lần HS mới quen và khó thực hiện với lớp đông, trình độ không đồng đều.	chức trao đổi tại lớp. Bước 3: Sau khi đã dạy xong bài học/chủ đề mới, GV phát trả lại cho HS phiếu KWLH mà các em đã viết trước đó, yêu cầu HS đọc lại và tự điền câu trả lời mà các em tìm được (trong quá trình học tập) vào cột L. <i>Em nghĩ mình đã biết thêm được những gì sau khi em học xong bài học/ chủ đề mới này?</i> Bước 4: Sau khi HS đã hoàn tất nội dung ở cột L, GV khuyến khích HS nghiên cứu thêm về những câu hỏi mà các em đã nêu ở cột W nhưng chưa tìm được câu trả lời từ bài đọc, yêu cầu HS vận dụng vào thực tiễn, giải quyết các dạng bài tập như thế nào. Tất cả những ý tưởng, yêu cầu này sẽ được ghi nhận ở cột H”. Bước 5: Tổ chức cho HS thảo luận những thông tin các em ghi nhận ở cột L (có thể kết hợp vận dụng kĩ thuật 321).
3	Kĩ thuật XYZ	– Là một kĩ thuật làm việc nhóm nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của mỗi thành viên trong nhóm. Trong đó, X là số thành viên trong nhóm, Y là số ý kiến mỗi thành viên cần đóng góp trong vòng Z thời gian.	– Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm từ 4 – 6 HS. – Bước 2: GV hướng dẫn cách hoạt động theo kĩ thuật XYZ cụ thể: – Mỗi thành viên trong nhóm lần lượt đưa ra 1 ý kiến cho mỗi

	– Kỹ thuật này đặc biệt phù hợp với môn lịch sử, với những nội dung kiến thức mở, đa chiều, đa quan điểm, trách nhiệm cá nhân,... – Ưu điểm và Nhược điểm: + Ưu điểm: phương tiện dạy học đơn giản, HS trả lời nhanh câu hỏi của GV đưa ra, rèn luyện được khả năng tư duy trong thời gian ngắn. Việc lựa chọn các ý kiến cuối cùng của nhóm còn giúp các em phát huy khả năng phân tích, tổng hợp và lựa chọn nội dung phù hợp; tạo ra không gian hoạt động linh hoạt, cơ động, đa dạng và dễ thay đổi, nâng cao khả năng tương tác giữa GV và HS, giữa HS với nhau; GV có thể thu thập được nhiều ý kiến của HS trong lớp; GV có thể nắm bắt được suy nghĩ, NL nhận thức, thái độ học tập của HS với vấn đề thảo luận thông qua xem xét ý tưởng cá nhân. + Nhược điểm: mất thời gian, có thể xảy ra tình trạng một số HS không hoạt động, ỷ lại các thành viên khác. + Hướng khắc phục: Khi triển khai hoạt động học tập nhóm, GV cần đẩy nhanh tiến độ, cắt bớt	vòng, giả sử nếu số ý kiến cần lấy của mỗi thành viên là ba ý kiến thì mỗi nhóm sẽ có ba vòng chia sẻ ý kiến. – Thư kí là người tập hợp các ý kiến của các thành viên và ghi vào một tờ giấy (trên tờ giấy nên ghi rõ ý kiến đó là của thành viên nào trong nhóm), hoặc mỗi thành viên có thể lần lượt ghi các ý kiến của mình ra một mẫu giấy nhỏ rồi tập hợp lại cho thư kí. – Sau khi đã tập hợp đủ ý kiến, cả nhóm sẽ thảo luận để đưa ra ý kiến cuối cùng của cả nhóm dưới sự dẫn dắt của nhóm trưởng. – Kỹ thuật này gần giống với kỹ thuật khăn phủ bàn nhưng khác ở chỗ GV yêu cầu mỗi thành viên trong nhóm đều phải suy nghĩ đưa ra “Ý kiến” để hạn chế việc “ỷ lại” cho các thành viên khác.
--	---	---

		những khâu rườm rà; hướng dẫn HS tập trung và tích cực, mạnh dạn đưa ra ý kiến của mình, tránh ỷ lại.	
4	Kĩ thuật 321	– Đây là kĩ thuật tổ chức dạy học lấy thông tin phản hồi của nhóm báo cáo hoặc của từng cá nhân, nhằm huy động sự tham gia tích cực của HS. Các con số trong kĩ thuật 321 có nghĩa là 3 điều tâm đắc nhất, 2 điều chưa thoả mãn hoặc hài lòng và 1 đề xuất cho GV. – Dùng để hướng dẫn HS nhận xét nhóm báo cáo, trình bày, tự củng cố sau khi kết thúc chủ đề/bài học. – Ưu và nhược điểm: + Ưu điểm: Đơn giản, GV dễ thực hiện, không mất quá nhiều thời gian. + Nhược điểm: Ý kiến giữa các nhóm nhận xét có thể bị trùng lặp. Để khắc phục nhược điểm này, GV có thể hướng dẫn HS nhận xét trên nhiều mặt khác nhau: về nội dung, kiến thức, cách trình bày, diễn đạt,... của HS.	– Bước 1: Trước khi bắt đầu một chủ đề/bài học hoặc một phần trình bày nhóm, GV yêu cầu HS lắng nghe để ghi nhận thông tin về những điểm thích thú, những góp ý và kiến nghị. – Bước 2: HS được yêu cầu cho ý kiến phản hồi về vấn đề nào đó (nội dung một hoạt động nhóm, phương pháp báo cáo của nhóm,...). – Bước 3: Mỗi người/nhóm cần viết ra 3 điều tốt mà cá nhân/nhóm tâm đắc nhất, 2 điều góp ý về điểm chưa tốt và 1 đề nghị để lần sau cải tiến tốt hơn, hoặc câu hỏi, thắc mắc về vấn đề chưa hiểu (liên quan đến phần báo cáo). – Bước 4: Sau khi thu thập ý kiến, GV và HS cùng tổng hợp và thảo luận về các ý kiến phản hồi. Lưu ý: Để tạo nên sự “gay cấn” trong hoạt động này, GV yêu cầu nhóm nhận xét sau không được trùng lặp với những lời nhận xét của nhóm trước.
5	Kĩ	– Là hình thức học tập hợp tác	Vòng 1: Nhóm chuyên gia

	thuật mảnh ghép	kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm: + Giải quyết một nhiệm vụ phức hợp (có nhiều chủ đề). + Kích thích sự tham gia tích cực của HS. + Nâng cao vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác (không chỉ hoàn thành nhiệm vụ ở vòng 1 mà còn phải truyền đạt lại kết quả vòng 1 và hoàn thành nhiệm vụ ở vòng 2). – Đảm bảo những thông tin từ các mảnh ghép lại với nhau có thể hiểu được bức tranh toàn cảnh của một vấn đề và là cơ sở để giải quyết một nhiệm vụ phức hợp ở vòng 2. – Các chuyên gia ở vòng 1 có thể có trình độ khác nhau, nên cần xác định yếu tố hỗ trợ kịp thời để tất cả mọi chuyên gia có thể hoàn thành nhiệm vụ ở vòng 1, chuẩn bị cho vòng 2. – Số lượng mảnh ghép không nên quá lớn để đảm bảo các thành viên có thể truyền đạt lại kiến thức cho nhau. – Kỹ thuật này áp dụng cho hoạt động nhóm với nhiều chủ đề nhỏ trong tiết học, HS được chia nhóm ở vòng 1 (chuyên gia) cùng	– Lớp học sẽ được chia thành các nhóm (khoảng từ 3 – 6 người). Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ với những nội dung học tập khác nhau. Ví dụ: + Nhóm 1: Nhiệm vụ A + Nhóm 2: Nhiệm vụ B + Nhóm 3: Nhiệm vụ C – Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, chủ đề và ghi lại những ý kiến của mình. – Khi thảo luận nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên trong từng nhóm đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao và trở thành chuyên gia của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại câu trả lời của nhóm ở vòng 2. Vòng 2: Nhóm mảnh ghép – Hình thành nhóm mới khoảng từ 3 – 6 người (bao gồm 1 – 2 người từ nhóm 1; 1 – 2 từ nhóm 2; 1 – 2 người từ nhóm 3,...), gọi là nhóm mảnh ghép. – Các câu hỏi và câu trả lời của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau. – Khi mọi thành viên trong nhóm mới đều hiểu, được tất cả nội
--	---------------------------------------	--	---

		nghiên cứu một chủ đề. – Phiếu học tập mỗi chủ đề nên sử dụng trên giấy cùng màu có đánh số 1,2,... (nếu không có giấy màu có thể đánh thêm kí tự A, B, C,... Ví dụ A1, A2,... B1, B2,... C1, C2,...). – Sau khi các nhóm ở vòng 1 hoàn tất công việc, GV hình thành nhóm mới (mảnh ghép) theo số đã đánh, có thể có nhiều số trong một nhóm mới. Bước này phải tiến hành một cách cẩn thận, tránh làm cho HS ghép nhầm nhóm.	dung ở vòng 1 thì nhiệm vụ mới sẽ được giao cho các nhóm để giải quyết (lưu ý nhiệm vụ mới này phải gắn liền với kiến thức thu được ở vòng 1). – Các nhóm mới thực hiện nhiệm vụ trình bày và chia sẻ kết quả.
6	Kĩ thuật công não (viết, nói)	– Động não (công não) là một kĩ thuật nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong thảo luận. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra “con lốc” các ý tưởng). Có hai cách thực hiện: nói và viết. – Quy tắc của động não: + Không đánh giá và phê phán trong quá trình thu thập ý tưởng của các thành viên. + Liên hệ với những ý tưởng đã được trình bày. + Khuyến khích số lượng các ý tưởng.	– Người điều phối dẫn nhập vào chủ đề và xác định rõ một vấn đề. – Các thành viên đưa ra những ý kiến của mình: trong khi thu thập ý kiến, không đánh giá, nhận xét. Mục đích là huy động nhiều ý kiến tiếp nối nhau. – Kết thúc việc đưa ra ý kiến. – Kĩ thuật trên có thể biến đổi thành kĩ thuật “Động não viết”: trình bày ý kiến bằng cách viết trên giấy về một chủ đề, giao tiếp với nhau bằng chữ viết. Các em đặt trước mình một vài tờ giấy chung, trên đó ghi chủ đề ở dạng dòng tiêu đề hoặc ở giữa tờ giấy, thay nhau ghi ra giấy những gì

	+ Cho phép sự tưởng tượng và liên tưởng. – Ưu điểm: dễ thực hiện; không tốn kém; sử dụng được hiệu ứng cộng hưởng, huy động tối đa trí tuệ của tập thể huy động được nhiều ý kiến; tạo cơ hội cho tất cả thành viên tham gia. – Nhược điểm: dễ lạc đề, tản mạn, mất thời gian trong việc chọn các ý kiến thích hợp. – Có thể có một số HS “quá tích cực”, số khác thụ động. Kỹ thuật động não được áp dụng phổ biến và người ta xây dựng nhiều kỹ thuật khác dựa trên kỹ thuật này, có thể coi là các dạng khác nhau của kỹ thuật động não.	mình nghĩ về chủ đề. Sau đó, cùng lập ra một bài viết chung. Sản phẩm có thể có dạng một bản đồ trí tuệ. – Ưu điểm của phương pháp này là có thể huy động sự tham gia của tất cả HS trong nhóm; tạo sự yên tĩnh trong lớp học; động não viết tạo ra mức độ tập trung cao. – Công não viết tạo ra một dạng tương tác xã hội đặc biệt; những ý kiến đóng góp trong cuộc nói chuyện bằng giấy bút thường được suy nghĩ – kĩ.
--	---	--

IV. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

1. Hướng dẫn chung

Trong chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử 2018, đánh giá kết quả giáo dục trong chương trình phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Lịch sử và sự tiến bộ của HS để hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS.
- Căn cứ đánh giá là yêu cầu cần đạt về PC chủ yếu, NL chung và NL đặc thù lịch sử và địa lí được quy định trong Chương trình tổng thể và Chương trình môn Lịch sử.
- Đa dạng hoá các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với tất cả HS bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, sản phẩm học tập; đánh giá qua báo cáo kết quả thực hiện dự án học tập, báo cáo kết quả thực hành, bài thuyết trình về kết quả thực hiện

giáo dục.

d. Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì, trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về PC, NL và sự tiến bộ của HS.

2. Hướng dẫn cụ thể về kiểm tra, đánh giá theo NL, PC

Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục có mục đích chung là cung cấp thông tin để ra các quyết định về dạy học và giáo dục, nhằm nâng cao chất lượng của tất cả các hoạt động giáo dục.

Quan điểm hiện đại về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển PC, NL HS chú trọng đến đánh giá quá trình để phát triển kịp thời sự tiến bộ của HS và vì sự tiến bộ của HS, từ đó điều chỉnh và tự điều chỉnh kịp thời hoạt động dạy và hoạt động học trong quá trình dạy học. Như vậy, đánh giá kết quả học tập, giáo dục theo hướng phát triển PC, NL HS là đánh giá theo sản phẩm đầu ra nhưng sản phẩm đó không chỉ là kiến thức, kĩ năng, mà chủ yếu là khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng và thái độ cần có để thực hiện nhiệm vụ học tập nhằm đạt tới mục tiêu/yêu cầu cần đạt nào đó.

– Các yêu cầu khi đánh giá kết quả học tập theo hướng phát triển PC, NL HS:

+ Đánh giá được tích hợp vào trong quá trình dạy học, tức là xem đánh giá như là một phương pháp dạy học hiệu quả nhằm liên tục thu được những thông tin phản hồi cho GV và HS.

+ Chú trọng đánh giá quá trình và sự tiến bộ của HS.

+ Chuyển từ đánh giá kĩ năng đơn lẻ sang đánh giá kĩ năng có tính phức hợp. Đặc biệt là khả năng thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ học tập của HS, khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào các tình huống trong học tập và thực tiễn.

+ Chuyển từ đánh giá một chiều (GV đánh giá), sang đánh giá đa chiều (GV đánh giá kết hợp với HS tự đánh giá, HS đánh giá chéo và tổ chức kiểm định, nhà trường, phụ huynh và cộng đồng đánh giá.)

+ Kết hợp đánh giá bằng nhận xét và điểm số, chú trọng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi, kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập theo định hướng PC, NL.

3. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá NL

Hai hình thức cơ bản được sử dụng trong các nhà trường phổ thông ở Việt Nam hiện nay là đánh giá thường xuyên (đánh giá quá trình) và đánh giá định kì (đánh giá tổng kết).

a. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động giảng dạy môn học. Đánh giá hoạt động học tập thể hiện ở các nội dung sau:

- Đánh giá sự tích cực, hứng thú tham gia các hoạt động học tập của HS.
- Đánh giá HS có hoàn thành nhiệm vụ học tập hay không.
- Đánh giá chất lượng của sản phẩm học tập đó.

Thời điểm đánh giá thường xuyên được thực hiện linh hoạt trong quá trình dạy học và giáo dục, không bị giới hạn bởi số lần đánh giá. Mục đích chính là khuyến khích HS nỗ lực học tập, vì sự tiến bộ của người học.

Phương pháp kiểm tra, đánh giá thường xuyên có thể là kiểm tra viết, quan sát, thực hành, đánh giá qua hồ sơ và sản phẩm học tập,...

Công cụ có thể dùng là phiếu quan sát, các thang đo, bảng kiểm, thẻ kiểm tra/ phiếu kiểm tra, các phiếu đánh giá tiêu chí, phiếu hỏi, hồ sơ học tập, các loại câu hỏi vấn đáp,... được GV tự biên soạn hoặc tham khảo từ các tài liệu hướng dẫn.

b. Đánh giá định kì

Đánh giá định kì là đánh giá kết quả giáo dục của HS sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ mà HS hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

Thời điểm đánh giá định kì thường được tiến hành sau khi kết thúc một giai đoạn học tập (giữa kì, cuối kì). Người thực hiện đánh giá định kì có thể là GV đánh giá, nhà trường đánh giá hoặc tổ chức kiểm định các cấp đánh giá.

Phương pháp đánh giá định kì có thể là kiểm tra viết trên giấy hoặc trên máy tính; thực hành; hỏi – đáp, đánh giá thông qua sản phẩm học tập và thông qua hồ sơ học tập,...

Công cụ đánh giá định kì có thể là các câu hỏi, bài kiểm tra, dự án học tập, sản phẩm nghiên cứu,...

➡ Để đánh giá kết quả học tập của HS, cần kết hợp cả hai hình thức, đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Với đánh giá quá trình, trước hết cần phân tích tài liệu học tập để xác định cấu trúc các hoạt động học tập, khả năng phát triển các NL ở mỗi bài học, ở tập hợp một số bài học. Từ đó, dự kiến cách đánh giá, các công cụ đánh giá thường xuyên cho cả quá trình học tập của HS. Với đánh giá tổng kết, căn cứ vào mục tiêu sau mỗi giai đoạn học tập đó. Quan sát, hỏi vấn đáp thường được dùng để đánh giá

thái độ, PC và một số biểu hiện của NL của HS. Các dạng bài tập, bài thi phù hợp với việc đánh giá kiến thức, kỹ năng, tư duy suy luận của HS. Vì vậy, kết hợp kết quả của hai loại đánh giá này cho phép có thể đánh giá tổng hợp kết quả học tập của HS.

4. Ví dụ minh họa đánh giá

Tuỳ từng yêu cầu cần đạt trong bài học, GV xây dựng một hoặc nhiều hoạt động tương ứng để HS thực hiện. Khi HS thực hiện được một hoặc nhiều hoạt động đề ra với kết quả đạt được, tức HS đã đạt được yêu cầu cần đạt đề ra.

Ví dụ 1:

Yêu cầu cần đạt	NL lịch sử	Hình thức kiểm tra đánh giá	Phương pháp kiểm tra đánh giá
Hình 1 và Hình 2 giúp em biết gì về lịch sử? Về sự phản ánh lịch sử, hai hình khác nhau thế nào? Hãy phân biệt.	– Tìm hiểu lịch sử. – Nhận thức và tư duy lịch sử.	– Kiểm tra thường xuyên: cá nhân. – Kiểm tra định kì. – Thuyết trình. – Bài viết. – Nhóm.	– GV chia HS làm 4 – 6 nhóm, hướng dẫn hoạt động nhóm theo kỹ thuật khăn phủ bàn. – HS thực hiện nhiệm vụ học tập: Nhóm trưởng điều hành hoạt động, chia thành viên tìm hiểu 4 vấn đề theo ô. Sau đó, các thành viên trình bày kết quả, thảo luận, phản biện, lựa chọn giải pháp tối ưu để ghi vào ô giữa bảng nhóm. – Báo cáo, thảo luận: GV tổ chức cho 1 – 2 nhóm báo cáo kết quả hoạt động, các nhóm còn lại sẽ bổ sung và phản biện theo kỹ thuật 321. GV đánh giá, chỉnh sửa, bổ sung và chuẩn kiến thức cho HS – HS thuyết trình.

Sản phẩm	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4
– Sản phẩm hoạt động.	Trả lời được 1 câu nhưng không đầy đủ các thông tin liên quan đến hệ thống câu hỏi của GV: <i>Hình 1 và Hình 2 giúp em biết gì về lịch sử?</i>	Trả lời được 1 – 2 câu nhưng không đầy đủ các thông tin liên quan đến hệ thống câu hỏi của GV: <i>Hình 1 và Hình 2 giúp em biết gì về lịch sử? Về sự phản ánh lịch sử, hai hình khác nhau thế nào?</i>	Trả lời được 3, 4 câu nhưng không đầy đủ các thông tin liên quan đến hệ thống câu hỏi của GV: <i>Hình 1 và Hình 2 giúp em biết gì về lịch sử? Về sự phản ánh lịch sử, hai hình khác nhau thế nào? Hãy phân biệt.</i>	Trả lời được 4 câu mạch lạc, rõ ràng, logic các thông tin liên quan đến hệ thống câu hỏi của GV: <i>Hình 1 và Hình 2 giúp em biết gì về lịch sử? Về sự phản ánh lịch sử, hai hình khác nhau thế nào? Hãy phân biệt.</i>

Trong Sách giáo viên (SGV), để xây dựng hoạt động dạy học, hệ thống câu hỏi này được xếp vào cụ thể trong từng thành phần NL lịch sử (tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức và kỹ năng) và khung mức độ NL (biết, hiểu, vận dụng). GV có thể dựa vào những gợi ý trong SGV để thiết kế chi tiết tổ chức hoạt động dạy học theo hướng hỗ trợ HS chiếm lĩnh tri thức, phát triển khả năng giải quyết vấn đề.

– Gợi ý: thang đánh giá một bài viết

Tiêu chí	Mô tả các mức điểm cụ thể			
	Mức 1 (1 – 3đ)	Mức 2 (4 – 5đ)	Mức 3 (6 – 7 đ)	Mức 4 (8 – 10đ)
	Chưa đạt	Gần đạt	Đạt loại khá	Đạt loại tốt
Bài viết không sai lỗi chính tả				
Bài trình bày sạch đẹp				

Bài trả lời đúng nội dung yêu cầu				
--------------------------------------	--	--	--	--

Mục tiêu hoạt động: HS nêu được những di tích lịch sử hoặc di sản văn hoá nào ở địa phương em đang sống và kể cho cả lớp nghe về sự kiện lịch sử liên quan đến một trong những di tích hoặc di sản đó (NL vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học – mức độ vận dụng).

– Công cụ đánh giá: sản phẩm học tập.

Mức độ	Điểm	Nội dung	Cách trình bày
1	1 – 3 đ	Không kể được hoặc kể không đúng dạng di tích lịch sử (công viên, khu giải trí,...).	Ngôn ngữ chưa lưu loát, chưa thu hút người nghe trong suốt thời gian trình bày.
2	4 – 5 đ	Kể được một di tích, sự kiện chính xác.	Ngôn ngữ lưu loát, nhưng chưa thu hút người nghe trong suốt thời gian trình bày.
3	6 – 8 đ	Kể từ 2 di tích trở lên, sự kiện còn chưa đủ, chưa chính xác.	Ngôn ngữ lưu loát, thu hút người nghe trong suốt thời gian trình bày. Không có hình ảnh minh hoạ.
4	9 – 10đ	Kể từ 2 di tích trở lên, sự kiện chính xác.	Ngôn ngữ lưu loát, thu hút người nghe trong suốt thời gian trình bày. Có hình ảnh minh hoạ.

– Gợi ý: thang đáp án.

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC MỘT SỐ DẠNG BÀI

Trong SGK *Lịch sử 10* có dạng bài hình thành kiến thức, kỹ năng mới và Sách chuyên đề học tập *Lịch sử 10* có dạng bài chuyên đề.

I. DẠNG BÀI HÌNH THÀNH KIẾN THỨC, KỸ NĂNG MỚI

1. Căn cứ thiết kế và tổ chức kế hoạch bài dạy dạng bài hình thành kiến thức, kỹ năng mới

Việc thiết kế và tổ chức các dạng bài hình thành kiến thức, kỹ năng mới trong SGK *Lịch sử 10* nên căn cứ vào những định hướng cơ bản sau đây:

– Thứ nhất, cách thức triển khai nội dung các bài học theo *Cấu trúc bài học* của tài liệu này.

– Thứ hai, cấu trúc một kế hoạch bài dạy được hướng dẫn trong chương trình tập huấn GV thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ETEP) và văn bản 5512 của Vụ Giáo dục Trung học. Theo đó, mỗi kế hoạch bài dạy được triển khai thành các hoạt động cụ thể gồm: khởi động bài học; các hoạt động Hình thành kiến thức, kỹ năng mới (khám phá), hoạt động Luyện tập, hoạt động Vận dụng.

– Thứ ba, mỗi kế hoạch bài dạy cần được thiết kế theo những định hướng cơ bản được đề cập trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 – chương trình môn Lịch sử cấp Trung học phổ thông; nhấn mạnh việc tổ chức các hoạt động học tập để HS tự khám phá tri thức, kỹ năng góp phần hình thành các NL đặc thù, NL chung và PC; đa dạng hoá các phương pháp dạy học, giáo dục phát triển PC, NL; chú trọng khâu đánh giá trong từng hoạt động học và mỗi bài học, chủ đề.

2. Hướng dẫn tổ chức kế hoạch bài dạy dạng bài hình thành kiến thức, kỹ năng mới

Dạng bài hình thành kiến thức, kỹ năng mới là kiểu tổ chức nội dung và các hoạt động nhằm giúp HS lĩnh hội tri thức khoa học bộ môn và những kỹ năng cơ bản của bài học, làm việc với những phương pháp đặc trưng cơ bản của việc học tập, nghiên cứu lịch sử, phát triển những thao tác tư duy và các PC hoạt động trí tuệ. Biện pháp tổ chức dạy học dạng bài hình thành kiến thức mới:

- GV nghiên cứu bài học: nghiên cứu cấu trúc bài học, nội dung kiến thức và kỹ năng lịch sử có trong bài học, mở rộng phạm vi hiểu biết của GV về nội dung kiến thức, kỹ năng có trong bài, chủ đề. GV có thể xây dựng các chủ đề dạy học tích hợp dựa vào quá trình nghiên cứu các bài học mà nội dung có mối quan hệ thống nhất với nhau.
- Xác định mục tiêu, định hướng NL cần hình thành và phát triển ở người học.
- Mô tả các mục tiêu và các biểu hiện NL cần đạt được thông qua bài học hoặc chủ đề.
- Cấu trúc, sắp xếp hệ thống nội dung của bài học hoặc chủ đề, xác định dung lượng kiến thức, kỹ năng học tập và dự kiến phân bố thời gian. Khi GV thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp, có thể làm thay đổi cấu trúc của các đơn vị bài học cấu thành chủ đề nhưng cần đảm bảo hệ thống hoá kiến thức và kỹ năng của các bài học thành thể thống nhất.
- Thiết kế các hoạt động học tập cụ thể (soạn kế hoạch bài dạy).
- Chuẩn bị điều kiện tổ chức dạy học: phương tiện dạy học, xác định các điều kiện tối thiểu và dự kiến các điều chỉnh, thay đổi môi trường học tập.
- Tiến hành thực hiện các hoạt động khám phá kiến thức mới cho HS: điều khiển hoạt động dẫn nhập, tổ chức tổ chức hướng dẫn và kiểm soát các hoạt động tìm hiểu kiến thức mới của HS. Vận dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học trong quá trình hỗ trợ HS chiếm lĩnh kiến thức mới.
- Sử dụng các biện pháp, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng của HS, đồng thời đánh giá biểu hiện của các NL hình thành và phát triển ở HS.

Dưới đây trình bày gợi ý của nhóm tác giả đối với việc tổ chức dạng bài hình thành kiến thức, kỹ năng mới thông qua 4 hoạt động với những định hướng về phương pháp tiếp cận thông qua một ví dụ cụ thể:

Hoạt động	Hướng dẫn tổ chức dạng bài hình thành kiến thức, kỹ năng mới
Khởi động	– Mục tiêu của hoạt động khởi động là đặt vấn đề cho bài học, tạo tâm thế để HS sẵn sàng tham gia vào các hoạt động học tập cũng như định hướng mục tiêu và nội dung về kiến thức, kỹ năng trong bài học mới. – GV nên khai thác hiệu quả phần mở đầu trong mỗi bài của

Hoạt động	Hướng dẫn tổ chức dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới
	quyển sách này vì các tình huống trong phần này gợi sự tò mò của HS, lôi cuốn các em vào bài học; các tình huống này GV có thể tham khảo thêm thông tin và cách thức tổ chức trong SGK. – GV cũng cần giới thiệu cho HS về các yêu cầu cần đạt của bài học một cách rõ ràng. Việc làm này nhằm tạo cơ sở cho việc tổ chức đánh giá trong mỗi hoạt động và khi kết thúc bài học.
Hình thành kiến thức mới (khám phá)	– Mục tiêu của các hoạt động này là hướng dẫn HS tìm hiểu kiến thức, kĩ năng mới của bài học, từ đó góp phần hình thành các NL lịch sử, NL chung và PC. – GV nên tổ chức một số hoạt động dựa vào các yếu tố như: sự phân chia các đơn vị kiến thức trong bài, thời lượng, khả năng của HS,... Tuy nhiên không nên tổ chức quá nhiều hoạt động vì có thể tốn thời gian và tạo ra sự mất tập trung, thậm chí là mệt mỏi đối với HS. – Về phương pháp: vận dụng hiệu quả các phương pháp đặc thù của lịch sử nhất là phương pháp hướng dẫn HS khai thác phương tiện trực quan; kết hợp linh hoạt các hình thức học tập cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ và toàn lớp; sử dụng hiệu quả các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực. – Giữa các hoạt động học tập với nhau, GV nên có một hoạt động kết nối ngắn gọn từ 1 – 2 phút hoặc tạo ra những “khoảng lặng” để HS suy ngẫm, tư duy về nội dung học tập, duy trì sự tập trung một cách liên mạch. – Về đánh giá: mỗi hoạt động cần nên có một phần đánh giá ngắn để kiểm tra mức độ tiếp thu của HS, có thể là một câu hỏi, một bài tập nhỏ hoặc một khảo sát nhanh,...
Luyện tập	– Mục tiêu của phần này giúp HS luyện tập, củng cố, thực hành

Hoạt động	Hướng dẫn tổ chức dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới
	những kiến thức, kĩ năng đã được cung cấp trong các hoạt động khám phá thông qua những bài tập, nhiệm vụ cụ thể. – Trong hoạt động luyện tập, GV nên đề cao vai trò chủ động, tự lực của HS khi tổ chức hoạt động học; phát huy vai trò học tập nhóm. – Về phương pháp: nên sử dụng các phương pháp hướng nhiều đến thực hành, luyện tập.
Vận dụng	– Mục tiêu của phần này là giúp HS vận dụng, áp dụng kiến thức, kĩ năng đã được cung cấp, luyện tập vào những tình huống học tập mới, tương tự hoặc mở rộng. – Trong hoạt động vận dụng, GV nên đề cao vai trò chủ động, tự lực của HS. – Về phương pháp: nên sử dụng phương pháp dạy học tình huống, dạy học giải quyết vấn đề và phương pháp hướng dẫn HS tự học,... – Có thể tiến hành ở cuối mỗi bài học trên lớp hoặc ngoài lớp.

3. Ví dụ minh họa

BÀI 2. TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

A. KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HS HỌC ĐỂ:

1. Phát triển NL tìm hiểu lịch sử

- 1.1. Biết cách sưu tầm, thu thập, xử lí thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử.
- 1.2. Nêu được vai trò của tri thức lịch sử đối với đời sống của cá nhân và xã hội hiện đại thông qua ví dụ cụ thể.

2. Phát triển NL nhận thức và tư duy lịch sử

- 2.1. Giải thích được được vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với đời sống của cá nhân và xã hội hiện đại thông qua ví dụ cụ thể.
- 2.2. Phân biệt được sự khác nhau giữa tri thức lịch sử và kí ức lịch sử thông qua ví dụ cụ thể.

2.3. Chỉ ra được mối quan hệ giữa tri thức lịch sử và kí ức lịch sử.

2.4. Giải thích được sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời, cần quan tâm và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hoá.

2.5. Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam và thế giới.

3. Phát triển NL vận dụng kiến thức, kĩ năng

3.1. Đúc rút và vận dụng kinh nghiệm trong thực tế cuộc sống.

4. Hình thành những PC

4.1. Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc.

4.2. Yêu nước, ghi nhớ công ơn xây dựng đất nước của tổ tiên.

B. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC PHÁT TRIỂN NL CHO HS

I. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động

– GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: *Nêu vấn đề Lịch sử dựng nước của Việt Nam luôn song hành cùng lịch sử giữ nước. Rất nhiều bài học kinh nghiệm giữ nước chống ngoại xâm của cha ông ta đã đánh đổi bằng máu, xương, mồ hôi, nước mắt để chúng ta có cuộc sống hôm nay. Chúng ta cùng ôn lại truyền thống hào hùng ấy qua những trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc.*

– Gợi ý 1: GV có thể sử dụng phần mở đầu

– Gợi ý 2: GV có thể sử dụng các trò chơi đồ vui: Ai nhanh hơn, Nhìn hình đoán chữ, Chiếc hộp âm nhạc,... để thực hiện đồ vui ô chữ.

– *Ô số 1 (13 chữ cái):* Nơi diễn ra ba trận thủy chiến quan trọng thời Ngô, Tiền Lê và Trần.

– *Ô số 2 (17 chữ cái):* Trận quyết chiến chiến lược trong khởi nghĩa Lam Sơn.

– *Ô số 3 (13 chữ cái):* Trận đánh quyết định trong cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý.

– *Ô số 4 (14 chữ cái):* Nguyễn Huệ đánh tan Xiêm trong trận đánh lịch sử nào?

– *Ô số 5 (11 chữ cái):* Chiến thắng lịch sử ở Việt Nam buộc Pháp kí Hiệp định Geneva.

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1			S	O	N	G	B	A	C	H	D	A	N	G			
2	C	H	I	L	A	N	G	X	U	O	N	G	G	I	A	N	G
3			S	O	N	G	N	H	U	N	G	U	Y	E	T		
4	R	A	C	H	G	A	M	X	O	A	I	M	U	T			
5			D	I	E	N	B	I	E	N	P	H	U				

Ô CHỮ CHỦ (chữ màu đỏ): Một trong những giá trị quan trọng của khoa học lịch sử là **BÀI HỌC LỊCH SỬ**

– Gợi ý 3: GV và HS nghe một trong các bài nhạc: “*Nhớ về cội nguồn*” (Hồ Tuấn), “*Về lại cội nguồn*” (Tiến Luân), “*Ơn nghĩa sinh thành*” (Dương Thiệu Tước) nêu vấn đề cho HS suy nghĩ trả lời (hoạt động cá nhân):

– *Bài hát đề cập đến vấn đề gì?*

– *Em hiểu thế nào là cội nguồn? Vì sao con người có nhu cầu tìm hiểu về bản thân và xã hội?*

– *Em có bao giờ suy nghĩ về cội nguồn, bản sắc của bản thân, gia đình, cộng đồng, dân tộc?*

II. HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KIẾN THỨC VÀ PHÁT TRIỂN NL

HOẠT ĐỘNG 1. VAI TRÒ VÀ Ý NGHĨA CỦA TRI THỨC LỊCH SỬ

1. Mục tiêu

– Khai thác, xử lý được thông tin, sử liệu 2.1, 2.2, Sách giáo khoa để hiểu vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử.

– Nêu được vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với đời sống của cá nhân và xã hội hiện đại thông qua ví dụ cụ thể.

– Giải thích được được vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với đời sống của cá nhân và xã hội hiện đại thông qua ví dụ cụ thể.

– Nuôi dưỡng niềm say mê, yêu thích đối với lịch sử và văn hoá của dân tộc Việt Nam và của nhân loại.

– Biết vận dụng tri thức, kinh nghiệm lịch sử vào cuộc sống.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động

– GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: nêu vấn đề cho HS tìm hiểu 2 nội dung trang 9, 10

1. *Tri thức lịch sử có vai trò, ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân và xã hội?*

2. *Theo em, quá khứ có mối quan hệ như thế nào với hiện tại và tương lai? Những bài học*

kinh nghiệm trong lịch sử có giá trị như thế nào?

3. Em hãy tìm hiểu và cho biết Chủ tịch Hồ Chí Minh dự báo những gì trong Di chúc?

3. Gợi ý trả lời

1. Tri thức lịch sử có vai trò, ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân và xã hội?

Tri thức lịch sử luôn để lại cho đời sau những bài học kinh nghiệm quý giá. Tìm hiểu, đúc rút và vận dụng những bài học lịch sử là nhu cầu của mỗi cá nhân và cộng đồng xã hội trong quá trình phát triển. Tri thức lịch sử giúp con người nhận thức về cội nguồn, bản sắc của bản thân, gia đình, cộng đồng, dân tộc. Đây là điều kiện cơ bản để giữ gìn và phát triển bản sắc văn hoá trong thời đại toàn cầu hoá.

Tri thức lịch sử là nền tảng vững chắc của truyền thống yêu nước, là niềm tự hào và là điểm tựa cho lòng tin vào sức mạnh của dân tộc. Tri thức lịch sử giúp con người khám phá và tiếp cận với nhiều nền văn hoá, văn minh của nhân loại. Những bài học rút ra từ lịch sử còn giúp mỗi quốc gia dân tộc tự nhận thức chính mình.

Việc dạy và học lịch sử dân tộc giúp HS hiểu rõ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, từ đó hình thành tinh thần yêu nước và niềm tự hào dân tộc. Tìm hiểu lịch sử thế giới giúp chúng ta có thêm những kiến thức về tinh hoa văn hoá nhân loại, là cơ sở để học hỏi, giao lưu, hội nhập quốc tế.

Học tập lịch sử giúp hiểu rõ quá khứ, là cơ sở để nhận thức hiện tại và dự báo tương lai.

2. Theo em, quá khứ có mối quan hệ như thế nào với hiện tại và tương lai? Những bài học kinh nghiệm trong lịch sử có giá trị như thế nào?

Trong quá trình tồn tại và phát triển, con người có nhu cầu tìm hiểu về bản thân và xã hội. Khoa học – kĩ thuật càng phát triển, con người càng nhận thức chính xác, đầy đủ hơn về lịch sử xã hội loài người.

Quá khứ đã để lại nhiều giá trị văn hoá, giá trị truyền thống, là cơ sở để rút ra những kinh nghiệm lịch sử phục vụ cho hiện tại. Lịch sử còn thì văn hoá còn, văn hoá còn thì dân tộc còn.

Lịch sử là cái đã qua, quá khứ, hiện tại và tương lai gắn bó chặt chẽ với nhau. Quá khứ luôn để lại cho

đời sau những bài học kinh nghiệm quý giá. Tìm hiểu, đúc rút và vận dụng những bài học lịch sử là nhu cầu của mỗi cá nhân và cộng đồng xã hội trong quá trình phát triển. Hiểu biết quá khứ giúp ta hiểu biết sâu sắc hiện tại để hành động tích cực hơn, từ đó tiên đoán sự vận động, phát triển sắp tới để tác động cho thắng lợi của tương lai,...

Cuộc đời mỗi con người tính từ bất kì mốc thời gian nào cũng có quá khứ, hiện tại, tương lai. Nghiên cứu quá khứ để hiểu hiện tại và hướng tới tương lai. Quá khứ, hiện tại và tương lai gắn bó chặt chẽ với nhau. Quá khứ luôn để lại cho đời sau những bài học kinh nghiệm quý giá.

Những bài học kinh nghiệm ấy phải trả giá bằng mồ hôi, nước mắt, thậm chí là xương máu, được kiểm nghiệm theo thời gian. Tìm hiểu, đúc rút và vận dụng những bài học lịch sử là nhu cầu không thể thiếu của mỗi cá nhân và cộng đồng xã hội trong quá trình phát triển.

Đối với mỗi quốc gia, dân tộc, lịch sử là nền tảng vững chắc của truyền thống yêu nước, là niềm tự hào và là điểm tựa cho lòng tin vào sức mạnh của dân tộc. Khoa học lịch sử giúp con người khám phá và tiếp cận với nhiều nền văn hoá, văn minh của nhân loại. Đồng thời, những bài học rút ra từ lịch sử còn giúp mỗi quốc gia dân tộc tự nhận thức chính mình trong quan hệ quốc tế.

3. Em hãy tìm hiểu và cho biết Chủ tịch Hồ Chí Minh dự báo những gì trong Di chúc?

(Kẻ khung và đưa nội dung dưới đây vào trong khung)

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hi sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn.

(...) Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người “xưa nay hiếm” nhưng tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt, tuy sức khoẻ có kém so với vài năm trước. Khi người ta đã ngoài 70 xuân thì tuổi tác càng cao, sức khoẻ càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ. Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?

Vì vậy, tôi đề sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.

(...) Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

(...) CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hi sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Còn non, còn nước, còn người

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

(...)

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết di chúc trong thời gian dài (1965 – 1969) và rất cẩn trọng, dự báo trước tác động của di chúc đến lịch sử dân tộc, đặc biệt là cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ.

Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hi sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn.

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Đất nước nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to – là Pháp và Mỹ; đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc,...

HOẠT ĐỘNG 2. HỌC TẬP VÀ KHÁM PHÁ LỊCH SỬ SUỐT ĐỜI

1. Mục tiêu

- Khai thác, xử lý được thông tin sử liệu 2.3 đến 2.5 để học tập, khám phá lịch sử.
- Chỉ ra được mối quan hệ giữa tri thức lịch sử và kí ức lịch sử.
- Giải thích được sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời, cần quan tâm và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hoá.
- Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam và thế giới.
- Nuôi dưỡng sự say mê, yêu thích đối với lịch sử và văn hoá của dân tộc Việt Nam và của nhân loại.
- Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc.

2. Tổ chức hoạt động

- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:

1. Vì sao con người cần học tập và khám phá lịch sử suốt đời?
2. Tri thức lịch sử là gì? Vì sao khi nghiên cứu lịch sử phải thu thập thông tin, sử liệu?

3. Gợi ý trả lời

1. Vì sao con người cần học tập và khám phá lịch sử suốt đời?

Kho tàng tri thức lịch sử của nhân loại rất phong phú, rộng lớn và đa dạng. Tri thức lịch sử thu nhận ở nhà trường chỉ là một phần rất nhỏ trong kho tàng ấy.

Trong thực tế, tri thức lịch sử chỉ là một phần và luôn chưa đầy đủ về toàn bộ sự thật lịch sử, nhất là khi lịch sử đang diễn ra, còn chưa bộc lộ hết những diễn biến và bản chất. Vì vậy

phải theo đuổi học tập, tìm hiểu, khám phá lịch sử đến cùng. Xuất phát từ nhu cầu của cuộc sống, khoa học lịch sử không ngừng phát triển để đáp ứng nhu cầu hiểu biết ngày càng cao của con người. Việc nghiên cứu và học tập lịch sử vì thế phải được duy trì thường xuyên, liên tục,...

Học tập, tìm hiểu, khám phá lịch sử suốt đời là điều kiện quan trọng giúp mỗi người cập nhật và mở rộng tri thức, phát triển và hoàn thiện kỹ năng. Qua đó, con người có khả năng tự tin ứng phó với những biến đổi ngày càng gia tăng của đời sống để nắm bắt tốt các cơ hội nghề nghiệp, việc làm, đời sống,...

2. Tri thức lịch sử là gì?

Tri thức lịch sử gắn liền với các nguồn sử liệu, các môn khoa học liên ngành, phương pháp nghiên cứu, NL nhận thức, bài học kinh nghiệm,... Muốn hiểu đúng và đầy đủ về lịch sử là một quá trình lâu dài.

Tri thức lịch sử có hai dạng tồn tại:

– Những tri thức đã được hiểu biết, nhận thức: văn bản, tài liệu, tác phẩm sử học, kết quả nghiên cứu,...

– Những tri thức thu được từ sự trải nghiệm thực tế: niềm tin, giá trị, kinh nghiệm, bí quyết, kỹ năng,...

Vì sao khi nghiên cứu lịch sử phải thu thập thông tin, sử liệu?

Lịch sử hiện thực tồn tại độc lập với ý thức của con người. Để hiểu biết sự thật lịch sử, phải bắt đầu từ sử liệu, dùng sử liệu để khôi phục sự kiện, sau đó mới giải thích và đánh giá sự kiện. Vì vậy, muốn tái hiện bức tranh lịch sử càng đầy đủ, chính xác, cần phải tìm kiếm và sưu tầm các nguồn sử liệu, tìm kiếm những phát hiện mới để làm giàu tri thức cho nhân loại.

HOẠT ĐỘNG 3. KẾT NỐI TRI THỨC, BÀI HỌC LỊCH SỬ VÀO CUỘC SỐNG

1. Mục tiêu

- Biết vận dụng tri thức, kinh nghiệm lịch sử vào cuộc sống.
- Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam và thế giới.
- Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc.

2. Tổ chức hoạt động

– GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Hãy kể một số tri thức lịch sử, bài học lịch sử em tiếp nhận trong quá trình học tập môn Lịch sử đã được em vận dụng vào thực tiễn.

3. Gọi ý trả lời

GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, tự điền vào phiếu học tập số 2 bằng NL cá nhân, qua

đó, kiểm nghiệm NL vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn của HS.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2		
<i>Bài</i>	<i>Tri thức, bài học lịch sử</i>	<i>Nội dung vận dụng vào thực tiễn</i>
1.	?	?
2.	?	?
...	?	?

III. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

- Củng cố lại kiến thức căn bản; kĩ năng thực hành.
- Phát triển NL thực hành, khả năng vận dụng kiến thức và trải nghiệm thực tế của HS.

2. Tổ chức hoạt động

- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV tổ chức cho HS thực hành luyện tập và vận dụng theo nhóm hoặc cá nhân tùy theo hình thức. Có thể sử dụng nhiều hình thức: Đố vui để học, Nhìn tranh đoán chữ, Ai nhanh hơn, Đố vui ô chữ,...

1. Tri thức lịch sử có vai trò và ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân và xã hội? Nêu ví dụ chứng minh.

2. Tìm hiểu về Hoàng thành Thăng Long và nêu suy nghĩ của em về giá trị của di sản này đối với cuộc sống hôm nay và mai sau.

3. Gọi ý trả lời

1. Tri thức lịch sử có vai trò và ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân và xã hội? Nêu ví dụ chứng minh.

Lịch sử là hồn cốt, truyền tải những giá trị truyền thống, mà nếu không có lịch sử không thể hiểu được hiện tại. Tri thức lịch sử chứa đựng giá trị văn hoá, là nguồn dữ liệu để tham chiếu kinh nghiệm cha ông vào sự phát triển hôm nay. Với ý nghĩa đó thì nếu lịch sử còn thì văn hoá còn, và văn hoá còn thì dân tộc còn.

Lịch sử và cuộc sống là một quá trình phát triển biện chứng mà hôm nay phải là sự kế thừa và phát triển của hôm qua và chuẩn bị cho hôm sau. Về phương diện này, lịch sử là cả một kho tàng kinh nghiệm vô cùng phong phú mà con người cần nhận thức để rút ra những bài học.

“Ôn cố nhi tri tân” là một nhu cầu của con người đã trưởng thành và có ý thức được cuộc sống và vận mệnh của mình, luôn muốn vươn lên để nhận thức và cải tạo thế giới. Có thể khẳng định rằng, có lịch sử mới có tương lai. Học lịch sử để dạy các em biết, tổ tiên ông cha ta đã lập quốc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc như thế nào, đặc biệt là trong thời đại ngày nay.

Theo đó, từ nhận thức dựng lại quá khứ tiến lên nhận thức bản chất của lịch sử, để từ đó khám phá

ra những đặc điểm và quy luật phát triển của lịch sử, cung cấp những cơ sở khoa học để hoạch định con đường phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc cũng như của mỗi cộng đồng cư dân trên mọi lĩnh vực.

Kiến thức lịch sử có tác dụng to lớn trong giáo dục các thế hệ người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ truyền thống, bản sắc dân tộc để không bị hòa tan khi hội nhập với thế giới, khu vực. Những bài học kinh nghiệm của lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc còn có ý nghĩa sâu sắc trong công cuộc phát triển đất nước hiện nay.

Vì vậy, muốn phát triển đất nước trong điều kiện hiện nay, phải hiểu sâu sắc các bài học kinh nghiệm của quá khứ và phải biết sử dụng những hiểu biết về lịch sử vào thực tiễn sinh động phong phú, đa dạng.

2. Tìm hiểu về Hoàng thành Thăng Long. Hãy nêu suy nghĩ của em về giá trị của di tích đối với cuộc sống xã hội Việt Nam hôm nay và mai sau.

- HS tìm hiểu thông tin qua tư liệu, kiểm chứng thông tin, trình bày thông tin.
- Giá trị: Vô giá.
- Minh chứng duy nhất về sự tiến hoá của nền văn minh dân tộc trong lịch sử phát triển của nhà nước quân chủ vùng Đông Nam Á và Đông Á tại vùng đồng bằng châu thổ Bắc Bộ từ thế kỉ thứ VII được tiếp nối thế kỉ XIX – XX.
- Khu di tích duy nhất có bề dày lịch sử văn hoá trên 10 thế kỉ liên tục với vai trò trung tâm quyền lực và kinh đô Quốc gia. Là không gian hội tụ đầy đủ nhất 3 cơ sở sử liệu về nhận thức Thăng Long – Hà Nội: Tư liệu lịch sử, di tích trên mặt đất và di tích khảo cổ học trong lòng đất.
- Giá trị nhân văn, nghệ thuật điêu khắc, nghệ thuật kiến trúc, kĩ thuật xây dựng, quy hoạch đô thị và nghệ thuật tạo dựng cảnh quan độc đáo. Năm 2010, được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới.
- Mở ra những cơ hội hợp tác quốc tế về nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị cho di sản.

II. DẠNG BÀI CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

CHUYÊN ĐỀ 1. CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC

A. KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HS HỌC ĐỀ

1. Phát triển NL tìm hiểu lịch sử

- Thu thập, xử lí được thông tin, sử liệu để học tập, khám phá các lĩnh vực của Sử học; khái niệm thông sử và việc phân chia các lĩnh vực của sử học; đối tượng, phạm vi nghiên cứu các lĩnh vực của Sử học.
- Nêu được nét khái quát về các lĩnh vực của lịch sử; nội dung chính của thông sử; khái

niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới.

2. Phát triển NL nhận thức và tư duy lịch sử

- Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể.
- Giải thích được khái niệm thông sử; ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.
- Giải thích được đối tượng, phạm vi nghiên cứu của lịch sử Việt Nam: lịch sử văn hoá, lịch sử tư tưởng, lịch sử xã hội, lịch sử kinh tế.
- Tóm tắt được tiến trình phát triển các lĩnh vực chủ yếu của lịch sử Việt Nam (lịch sử văn hoá, lịch sử tư tưởng, lịch sử xã hội, lịch sử kinh tế) trên trục thời gian.

3. Phát triển NL vận dụng kiến thức, kĩ năng

- Vận dụng được tri thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản).
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn, có khả năng tự học, độc lập trong suy nghĩ và đánh giá, giải quyết vấn đề.

4. Hình thành những PC

- Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân/nhóm.
- Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV thiết kế.

B. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC PHÁT TRIỂN NL CHO HS

I. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu: Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- **Gợi ý 1:** GV sử dụng phần dẫn nhập trong sách chuyên đề để vào bài.
- **Gợi ý 2:** Trò chơi ô chữ, tìm ô chữ chủ liên quan đến bài học: **THÔNG SỬ**

2. GV tổ chức hoạt động

– GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV tổ chức cho HS sinh hoạt nhóm đôi hoặc cá nhân, nêu vấn đề cho HS tìm ô chữ chìa khoá của bài học. HS có quyền chọn bất kì ô chữ nào để giải đố, nhóm/cá nhân nào giải đúng ô chữ sẽ được điểm cộng.

1. (6 chữ cái): Tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong lịch sử.
2. (10 chữ cái): Người đặt nền móng cho sử học Trung Quốc với bộ Sử ký.
3. (8 chữ cái): Tư Mã Thiên ghi chép lịch sử bao gồm mọi mặt của xã hội, đặc biệt là

lĩnh vực nào?

4. (8 chữ cái): Câu ca dao sau nhắc nhở chúng ta nhớ đến điều gì?

*Cây có gốc mới nở cành xanh lá,
Nước có nguồn mới bể cả sông sâu.
Người ta nguồn gốc từ đâu,
Có tổ tiên trước rồi sau có mình.*

5. (6 chữ cái) Môn khoa học nghiên cứu về quá khứ, đặc biệt là những sự kiện liên quan đến con người bằng cách ghi nhớ, phát hiện, thu thập, tổ chức, trình bày, giải thích và thông tin về những sự kiện này.

6. (9 chữ cái) Câu ca dao sau nhắc nhở chúng ta nhớ đến vị Tổ nào của dân tộc?

*Tháng ba nỏ nước hội đền
Nhớ ngày giỗ Tổ bốn nghìn năm nay*

7. (8 chữ cái) Cách thức truyền thống thường được các nhà sử học cổ đại sử dụng để trình bày lịch sử.

8. (9 chữ cái, tiếng Anh) Bộ sử bằng văn xuôi đầu tiên của Herodotus, gồm phần Mở đầu và 9 quyển.

– Gợi ý trả lời: **Ô chữ chủ (8 chữ cái):** Cách viết sử của Tư Mã Thiên

GV tiếp tục cho HS nghe một trong các bài nhạc: “*Nhớ về cội nguồn*” (Hò Tuấn), “*Về lại cội nguồn*” (Tiến Luân) nêu vấn đề cho HS sinh suy nghĩ trả lời (hoạt động cá nhân):

– *Bài hát đề cập đến vấn đề gì?*

– *Em hiểu thế nào là cội nguồn? Vì sao con người có nhu cầu tìm hiểu về bản thân và xã hội?*

– *Em có bao giờ suy nghĩ về cội nguồn, bản sắc của bản thân, gia đình, cộng đồng, dân tộc?*

“*Cây có cội, nước có nguồn, con chim có tổ, con người có tông*” là thông điệp lớn nhất mà người xưa gửi gắm đến con cháu đời sau. Chỉ khi hiểu và yêu quý, trân trọng

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1		V	A	N	H	O	A			
2		T	U	M	A	T	H	I	E	N
3			C	H	I	N	H	T	R	I
4		C	O	I	N	G	U	O	N	
5		L	I	C	H	S	U			
6	H	U	N	G	V	U	O	N	G	
7			K	E	C	H	U	Y	E	N
8		H	I	S	T	O	R	I	A	L

tổ tiên mình, con người mới yêu thương quê hương đất nước mình hơn.

Trong quá trình tồn tại và phát triển, con người có nhu cầu tìm hiểu về bản thân và xã hội. Khoa học – kĩ thuật càng phát triển, con người càng nhận thức chính xác, đầy đủ hơn về lịch sử xã hội loài người.

Quá khứ đã để lại nhiều giá trị văn hoá, giá trị truyền thống, là cơ sở để rút ra những kinh nghiệm lịch sử phục vụ cho hiện tại.

II. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NL CHO HS

HOẠT ĐỘNG 1. KHÁI QUÁT MỘT SỐ CÁCH TRÌNH BÀY LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG

1. Mục tiêu

- HS đọc hiểu tư liệu 1, 2, 3, quan sát hình 1.2, 1.3, tìm hiểu một số cách trình bày lịch sử truyền thống.
- Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động

- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Từ thực tế học tập và tư liệu, em hãy cho biết:

Lịch sử thường được trình bày theo những cách nào? Hãy khái quát một số cách trình bày lịch sử truyền thống. Tại sao bảo tàng lịch sử được coi là không gian chứa đựng dòng chảy lịch sử?

Tư liệu 1: Nhà bác học Lê Quý Đôn khi viết tác phẩm Đại Việt thông sử vào thế kỉ XIII:

“Đại để phép làm sử là phải: mỗi sự kiện đều nhặt đủ không bỏ sót, để cho người ta sau khi mở sách ra xem, rõ được manh mối, biết được đầu đuôi, tuy không được mắt thấy tai nghe, mà rõ ràng như chính mình được thấy... cố nhiên không nên chép rườm rà, nhưng nếu có việc gì thuộc về nghị luận quan trọng và chế tác to lớn thì đều phải theo từng việc mà chép đủ ngày tháng...”

Nay bắt đầu biên soạn thì thực lục lại chép sơ lược sai lầm, chưa thể căn cứ hoàn toàn vào đấy, lại phải tìm cả các sách tạp, các bản sót, các liệt truyện, các dã sử, văn khắc vào bia vào đình, gia phả của các thế gia, cùng là các bản sao chép của các học giả Bắc triều... Tạm xin chép đúng năm tháng, nhặt nhanh những việc mất mát bổ sung vào chỗ sử trước chưa đủ, ghi lại việc cũ cho đời sau, may ra văn hiến có đủ chứng có

có thể kê cứu việc cũ, có thể để lại gương sau...”

(Lê Quý Đôn, Ngô Thế Long dịch, *Đại Việt thông sử*, Quyển 2, NXB Trẻ và NXB Hồng Bàng, TP. Hồ Chí Minh, 2012, trang 13, 14, 15, 16)

Tư liệu 2: *Herodotus được coi là “cha đẻ của Sử học”, bậc thầy kể chuyện lịch sử. Sau nhiều năm đi du ngoạn và thu thập những câu chuyện mà người khác kể, ông kể lại trong bộ “Historial” về vai trò của phụ nữ, các phong tục tập quán mọi dân tộc, những kim tự tháp, bức tường thành Babylone, hệ thống kênh đào, những ngôi đền nổi tiếng,... Đây là tác phẩm sáng tạo đầu tiên được viết bằng văn xuôi, gồm Mở đầu và 9 quyển – một sự kết hợp giữa các truyện hoang đường, võ đoán và sự thật lịch sử. Historial trở thành một kiệt tác văn học và là một trong những công trình vĩ đại nhất của thế giới phương Tây.*

3. Gợi ý trả lời

+ Chuyện kể lịch sử: truyền miệng trong dân gian từ đời này sang đời khác, miêu tả và lí giải các sự kiện, hiện tượng lịch sử kèm theo các yếu tố khoa trương, phóng đại hoặc hư cấu, thần bí.

+ Lịch sử thành văn:

Ở phương Đông, phổ biến là biên niên sử, theo đó lịch sử được ghi chép qua sự kiện, biến cố đã xảy ra (trong năm, thập kỉ, thế kỉ,...) theo trình tự thời gian như *Sử ký* (Tư Mã Thiên), *Kinh Xuân Thu* (Khổng Tử), *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Lê), *Đại Nam thực lục* (Quốc sử quán triều Nguyễn),...

Ở phương Tây, những tác phẩm ghi chép về lịch sử ra đời sớm nhất là *Historial* (Hê-rô-đốt), *Lịch sử chiến tranh Pê-lô-pô-nê* (Tuy-xi-dít),...

+ Lịch sử còn được miêu tả, tái hiện qua phim ảnh, kịch, trình bày tại bảo tàng, Bảo tàng lịch sử được coi là không gian chứa đựng dòng chảy lịch sử vì: Bảo tàng là cuốn sử sống động, chứa đựng toàn bộ hiện vật, tư liệu lịch sử có giá trị lịch sử – văn hoá tiêu biểu trong suốt chiều dài lịch sử của một quốc gia dân tộc, một nền văn minh, văn hoá. Người muốn nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử có thể đến không gian Bảo tàng, tìm hiểu những sự kiện, vấn đề lịch sử theo dòng chảy của thời gian hoặc theo chủ đề.

HOẠT ĐỘNG 2. THÔNG SỬ

1. Mục tiêu

– HS sưu tầm, thu thập, xử lí được các thông tin, sử liệu 1.1 đến 1.4 để khám phá khái

niệm thông sử.

– Giải thích được khái niệm thông sử và nêu được nội dung chính của thông sử.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động

– GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: Nêu vấn đề, cho HS thảo luận theo nhóm bằng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực và các kỹ thuật dạy học tích cực:

+ *Tìm hiểu tư liệu 1, 2, 3, quan sát hình 1.1 đến 1.3, so sánh quan điểm viết sử của Tư Mã Thiên, Lê Quý Đôn, Quốc sử quán triều Nguyễn, Herodotus và Thucydides. Việc Herodotus bị chỉ trích là "Ông tổ nói láo" vì ghi cả những câu chuyện cổ tích và truyền thuyết vào sử sách là đúng hay sai? Vì sao?*

+ *Thế nào là thông sử? Nội dung chính của thông sử là gì? Theo em, tại sao các sử gia phong kiến phải viết lịch sử vua chúa? Điều quan trọng nhất của sử quan ngày xưa và sử gia ngày nay khi chép sử là gì?*

GV chia HS làm 4 – 6 nhóm, hướng dẫn HS hoạt động nhóm, quan sát tư liệu và SGK, hoạt động theo cách thức tổ chức của GV và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

III. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

- Phát triển NL vận dụng kiến thức, kỹ năng
- Củng cố kiến thức căn bản; kỹ năng thực hành và khả năng vận dụng kiến thức.
- Vận dụng tri thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản).
- Phát triển NL thực hành, khả năng vận dụng kiến thức và trải nghiệm thực tế của HS.
- Chăm chỉ, có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV thiết kế.

2. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- 1. Tại sao thông sử thường được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu lịch sử?*
- 2. Trình bày mối quan hệ giữa các lĩnh vực Sử học. Lí giải tại sao lại có mối quan hệ ấy?*
- 3. Hãy lựa chọn một số sự kiện lịch sử và trình bày theo cách biên niên.*
- 4. Sưu tầm tư liệu về kinh tế Việt Nam thời kì đổi mới.*

3. Gợi ý trả lời

- 1. Tại sao thông sử thường được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu lịch sử?**

Thông sử là lối trình bày lịch sử một cách có hệ thống về mọi mặt sinh hoạt xã hội từ xa xưa cho đến nay của thế giới, quốc gia, dân tộc. Thông sử ghi chép tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trong lịch sử (tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hoá, chính trị, quân sự, ngoại giao,...), các nhân vật lịch sử (vua chúa, lãnh tụ,...), những chuyện xảy ra trong lịch sử (các lĩnh vực đời sống tự nhiên, xã hội),...

Do ưu điểm trình bày nhiều tri thức tổng quan, toàn diện, đầy đủ về quá trình lịch sử, nên thông sử thường được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu lịch sử ở Việt Nam và các nước trên thế giới

2. Trình bày mối quan hệ giữa các lĩnh vực Sử học. Lí giải tại sao lại có mối quan hệ ấy?

Lịch sử được trình bày theo nhiều lĩnh vực (hay thể loại), trong đó có một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội loài người như chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, tư tưởng,... Mỗi lĩnh vực hay thể loại lại có thể phân ra nhiều loại như lịch sử luật pháp, lịch sử nghệ thuật, lịch sử quân sự, lịch sử tôn giáo, lịch sử triết học,... hoặc thành các chủ đề cụ thể (lịch sử kinh tế có lịch sử nông nghiệp, lịch sử thương mại, lịch sử công nghiệp,...).

Việc phân chia lịch sử thành các lĩnh vực cho thấy mọi lĩnh vực đều có lịch sử hình thành và phát triển, mỗi lĩnh vực là một dòng chảy tri thức muôn màu, muôn vẻ hợp thành lịch sử. Biên soạn lịch sử theo lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng trong việc tìm hiểu chuyên sâu về một lĩnh vực trong quá khứ, giúp bổ sung và làm phong phú hơn tri thức tổng quát về lịch sử.

3. Hãy lựa chọn một số sự kiện lịch sử và trình bày theo cách biên niên.

(HS tự chọn lựa và trình bày)

4. Sưu tầm tư liệu về kinh tế Việt Nam thời kì đổi mới.

HS tìm hiểu thông tin trên mạng để trả lời.

PHẦN BA

CÁC NỘI DUNG KHÁC

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SGV

SGV và SGV Chuyên đề học tập *Lịch sử 10* có cấu trúc gồm hai phần:

Phần 1: Giới thiệu chung

Phần 2: Hướng dẫn cách thức tổ chức các bài học theo từng chủ đề trong SGK *Lịch sử 10*

Trong phần 1, các vấn đề chung được đề cập và làm rõ. Những vấn đề chung là cơ sở để nhóm tác giả đề xuất cấu trúc kế hoạch dạy học đã được phân tích, ví dụ: mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung chương trình, định hướng về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá của chương trình *Lịch sử 10*.

Vì vậy, quý thầy cô và bạn đọc hãy xem kỹ phần 1 để hiểu rõ hơn cách thức nhóm tác giả triển khai các hoạt động học tập ở phần 2.

Trong phần 2, cấu trúc bài học ở phần 1 đã được các tác giả cụ thể hoá trong từng bài theo các chủ đề. Mỗi bài sẽ được thiết kế đầy đủ các hoạt động: Khởi động, Hình thành kiến thức mới, Luyện tập và Vận dụng. Mỗi hoạt động có ít nhất một phương án tổ chức. Tuy nhiên, để các GV có thêm nhiều lựa chọn, có những hoạt động học tập được thiết kế nhiều hơn một phương án.

II. KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN PHỤC VỤ DẠY VÀ HỌC

Cùng với hệ thống SGK, SGV, SBT, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty cổ phần dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định xây dựng hệ thống nguồn tài nguyên sách và học liệu đi kèm SGK *Lịch sử 10* – Bộ sách **Chân trời sáng tạo**.

1. Nguồn tài nguyên sách, thiết bị và học liệu điện tử

- SBT *Lịch sử 10*.
- SGV *Lịch sử 10*.
- Tập bản đồ – tranh ảnh *Lịch sử và Địa lí 6*
- Phim minh hoạ tiết dạy tham khảo
- Câu hỏi và bài tập phát triển NL *Lịch sử*.

2. Một số hướng dẫn khai thác và sử dụng

GV, phụ huynh HS và HS có thể tìm mua sách và tài liệu dạy học môn Lịch sử 10 cho HS tại cửa hàng sách giáo dục trên toàn quốc. GV, phụ huynh cũng có thể tải các ebook, video clip tại kho tài liệu dạy học điện tử do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty cổ phần xuất bản giáo dục Gia Định xây dựng. Cách thức tải các ebook, video clip tại kho học liệu dạy học điện tử được hướng dẫn chi tiết, cụ thể và rõ ràng trên website của công ty.

Các thầy, cô có thể tham khảo tài nguyên trên trang: *taphuan.nxbgd.vn*,
hanhtrangso.nxbgd.vn, *www.chantroisangtao.vn*.



TRẦN TRỌNG GIỚI THIỆU



Sách không bán